

Chương X.

DẤU CHÂN HOÀNG HÓA CỦA CÁC THIÊN SƯ Ở ĐỒNG NAI – GIA ĐỊNH.

Người Việt đã vào sống ở đất Đồng Nai từ lâu, không biết rõ từ năm nào, nhưng đến thế kỷ 17 thì mới sinh sống đông và mới thấy tài liệu xưa ghi chép. Vùng Đồng Nai – Gia Định ở quá xa Kinh đô Phú Xuân của các Chúa Nguyễn, nên các sử gia nhà Nguyễn lúc đó cũng ít ghi chép. Việc nghiên cứu lịch sử ở vùng đất Đồng Nai này rất khó khăn vì tài liệu vốn đã có rất ít lại bị thất lạc bởi chiến tranh và sự tàn phá của thời gian, khí hậu, mối mọt... Việc nghiên cứu về các Thiên sư hoàng hóa ở đất Đồng Nai này lại càng khó khăn hơn nhiều vì các thiên sư không muốn lưu lại vết tích.

Do đó, chúng tôi không dùng tựa đề cho chương này là “Các thiên sư hoàng hóa ở Đồng Nai – Gia Định” mà chỉ đề là: “dấu chân hoàng hóa của các thiên sư ở Đồng Nai – Gia Định”, mà thôi. Có nghĩa chúng ta chỉ có thể nghiên cứu để ghi lại dấu vết, vài hoạt động riêng lẻ của một số thiên sư hoàng hóa ở vùng Đồng Nai – Gia Định chứ không biên chép lại một tiểu sử (hay hành trạng) đầy đủ về các thiên sư hoàng hóa ở đây, và cũng chính vì lý do trên, xin bạn đọc lượng thứ cho, khi thấy chúng tôi trình bày không được đầy đủ về hành trạng của các thiên sư hoàng hóa ở vùng Đồng Nai – Gia Định. Cũng có thể có một số thiên sư hoàng hóa ở đây mà chúng tôi chưa biết, nhân đây xin chư thiện tri thức hoan hỉ chỉ giáo cho những thiếu sót, chắc chắn là không thể nào tránh khỏi của chúng tôi trong chương này.

A. ĐỒNG NAI – GIA ĐỊNH NGÀY XƯA.

Đồng Nai ngày xưa gọi là Lộc Dã hay Lộc Động (theo chữ Nho). Gọi là Đồng Nai là vì vùng này trước kia là cánh đồng có nhiều nai.

Vùng Đồng Nai khi người Việt mới đến cư trú là vùng rừng núi rậm rạp, hoang vu với những khu rừng rậm trải dài từ rừng Lá đến vùng thác Trị An của vùng thượng lưu sông Đồng Nai và vùng rừng rậm giữa lưu vực sông Đồng Nai và sông Bé.

Trong vùng rừng rậm bạt ngàn với các cổ thụ xưa, đi trong rừng cả ngày không thể nhìn thấy được mặt trời, thỉnh thoảng lại có một số núi lẻ loi, những ngọn núi cuối cùng còn sót lại của dãy Trường Sơn hùng vĩ như núi Chứa Chan (hay núi Gia Ray, Long Khánh), Núi Thị Vải, núi Dinh, núi Kỳ Vân, núi Châu Viên – Châu Long ở Bà Rịa, núi Bửu Long, núi Long Ẩn (Biên Hòa), núi Châu Thới (Sông Bé) và núi Bà Đen Tây Ninh.

Vùng rừng núi Đồng Nai xưa rất hoang vắng, cây cối rậm rạp, đủ các loại thú rừng, từ loại thú nhỏ nhoi hiền lành như hươu, nai, thỏ, khỉ... các loại chim đẹp như công, trĩ, hạc... Đến các loại thú dữ như cọp, beo, voi, gấu... các loài bò sát như rắn, rết... và có cả tê giác.

Dưới nước trong rừng hay trên sông rạch có đủ các loại cá từ cá trê, cá lóc, cá sặc, cá bông lau đến cả cá chép, ngoài ra lại còn có cả cá sấu, rùa và đĩa nữa.

Vì vậy, ca dao ở Đồng Nai có câu:

Dưới sông cá lội,

Trên rừng cọp um.

Một bài thơ ở chùa Long Ẩn cho chúng tôi biết khung cảnh thiên nhiên thời xưa ở vùng núi Bửu Long, Long Ẩn như sau:

Trên chùa Long Ẩn dưới trướng voi,

Nước bích xem coi rất mặn môi,

Sóng bủa gành nghề hình quái cổ,

Nước xao hàng rấn, tiếng reo còi.

Hoặc như cảnh rừng núi Bửu Long, được một Thiền sư viết thành câu đối ở chùa Bửu Phong như sau:

“Bửu thạch long đầu, cổ cảnh linh qui tại,
Phong sơn hổ cứ, vạn đại chiếu phụng tồn”.

Tạm dịch:

Đá bầu rồng châu, cảnh xưa chùa linh hiện.
Đỉnh núi cọp ngụ, muôn đời phụng còn múa

Hoặc câu:

“Bửu nhạc phối tề y khô lạnh,
Phong sơn quang mỹ tợ kỳ viên”.

Núi Bửu Long đẹp như núi nhạc nam, hoa sen nở khắp, cảnh núi đẹp như rừng Kỳ Viên (nơi đức Phật ngự thuyết pháp ngày xưa).

Ngày xưa đi vào vùng Đồng Nai, chèo ghe thì sợ cá sấu dưới sông, bước xuống núi trong rừng thì sợ rấn, đĩa, lên rừng chẳng những sợ thú dữ như cọp, beo, voi, gấu... mà còn sợ cả ma quỷ.

Chèo ghe sợ sấu cắn chừng,
Xuống sông sợ đĩa, lên rừng sợ ma.

Cảnh rừng rậm hoang vắng lại âm u, cây cối chẳng chịt, đi trong rừng suốt ngày không thấy được ánh sáng mặt trời, thú dữ thì khắp nơi, trên mặt đất thì gập cọp, beo, voi... dưới nước thì cá sấu kêu như trâu rống, đĩa nhiều như bánh canh... Trong cảnh rừng núi rậm rạp âm u đó, người dân lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, chẳng những sợ thú dữ hay thú độc mà còn kinh hoàng hơn nữa trước cảnh xuất hiện của ma quái yêu tinh. Ma quái thì ít sợ, yêu tinh mà phá quấy thì hết đời !

Giữa cảnh thiên nhiên rừng núi hoang vu, bao la huyền bí như thế, một tiếng chim vỗ cánh, một tiếng hót của chim, một tiếng cá đớp mồi... cũng làm kinh hoàng khiếp vía người đi trong rừng nên ca dao có câu:

Tới đây xứ sợ lạ lùng,
Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng kinh.

Hoặc:

Cỏ mọc thành tinh
Rấn đồng biết gáy.

Rừng núi gập thú dữ ma quỷ; vùng ao bầu, đầm lầy lại gập cảnh:

Muối kêu như sáo thổi,
Đĩa lội tợ bánh canh.

Trước cảnh kinh khủng, nguy hiểm như thế, muốn khai phá rừng, vỡ đất làm ruộng rẫy, người dân phiêu bạt thời đó phải lo chống lại thú dữ, bắt heo rừng, đánh cọp đuổi beo, săn bắt cá sấu... đều là các việc nguy hiểm và nặng nhọc, nên tục ngữ có câu: “Nhứt phá sơn lâm, nhì đâm hà bá”. Nhưng vì phương tiện sanh sống nên phải chịu gian nguy, cực khổ và dũng cảm hy sinh cho tương lai gia đình và cho thế hệ mai sau của đất nước:

Làm trai cho đáng lên trai,
Phú xuân cũng trải, Đồng Nai cũng từng !

Những chàng trai phiêu bạt giang hồ, tìm đất mới cho gia đình, cho quê hương, phải tha hương cầu thực, chịu biết bao gian lao nguy hiểm... Cảnh gian khổ, chua xót của kẻ viễn khách tha phương làm cho người dân địa phương nặng tình thương mến luyến lưu:

Rồng châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai,
Nước sông trông sao lại chảy hoài,
Thương người xứ lạc loài đến đây,

Tới đây thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ sanh cây hãy về.

Người đi xa, kẻ ở chốn quê nhà đều nặng tình thương mến, đã có nhân duyên gặp gỡ thì trăm năm vẫn giữ mối tình thắm thiết và giữ trọn lời ước nguyện:

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,
Nát chùa Thiên Mục mới sai lời nguyên.

Sau khi khai phá rừng núi, khai hoang ruộng đất ở Đồng Nai, số người dân ở Đồng Nai dựng nghiệp ngày càng đông, gồm cả người Việt và người Trung Hoa, dân số gia tăng nhanh, đất đai trở nên chật hẹp, thiếu thốn, người dân ở Đồng Nai hoặc những người dân mới từ miền Trung, hay từ Trung Hoa đến (quân dân nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh, sang thần phục chúa Nguyễn), phải tiến xuống Sài Gòn, tức miền hạ lưu sông Bé.

Vào năm 1623, người Việt đã vào sinh sống ở Đồng Nai – Sài Gòn và triều đình chúa Nguyễn đã cử quan chức và quân lính vào làm việc ở hai nơi đó. Điều này cho biết được là ở vùng này đã có nhiều di dân người Việt và người Hoa làm ăn sinh sống.

B. DẤU CHÂN HOÀNG HÓA CỦA CÁC THIÊN SƯ Ở ĐỒNG NAI – GIA ĐỊNH

Người Việt và sau đó một số ít người Trung Hoa (dân quân nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh, bỏ Trung Quốc sang Đàng Trong và Đồng Nai) đã đến khai phá rừng núi và làm ăn buôn bán ở vùng đất Đồng Nai – Sài Gòn.

Trong số di dân Việt và Hoa đó có một số tăng sĩ. Các tăng sĩ thường đi theo dân di cư vì lòng từ bi, muốn gần gũi an ủi, giúp đỡ tinh thần và những nghi lễ tôn giáo cho những người dân tha phương sống xa quê hương, lập nghiệp trên vùng đất lạ quê người.

Hiện chúng ta hầu như chưa biết được gì về các tăng sĩ đến đầu tiên đó, chúng ta chỉ biết chút ít về Hòa thượng Chuyết Công (hay thiền sư Viên Văn – Chuyết Chuyết) và một số đệ tử, trong đó nổi danh nhất là thiền sư Minh Hành – Tại Tại có lẽ đã hoàng hóa ở vùng Đồng Nai – Sài Gòn vào năm 1630, ở đó một thời gian, năm 1633 ra Đàng Ngoài và ở đó cho đến ngày viên tịch (năm 1644).

Sau đó, chúng ta biết gì thêm về các tăng sĩ hoàng hóa ở Đồng Nai – Sài Gòn. Năm 1679, nhóm dân quân Trung Hoa dưới sự lãnh đạo của Tổng binh Trần Thượng Xuyên đến sinh sống ở Cù lao Châu, sau này mở mang rộng thành Đại phố Đồng Nai (Cù lao Phố ngày nay); nhóm của Tổng binh Dương Ngạn Địch đến sinh sống và mở mang vùng đất Mỹ Tho – Định Tường. Trong số này, có một số tăng sĩ Trung Hoa, nhưng chúng ta cũng chưa biết được.

Ở vùng Đất Đỏ – Bà Rịa cũng có một số tăng sĩ Hoàng Hóa ở chùa Vạn An (năm 1710 được Võ Vương sắc tứ), có thể còn một số chùa khác nữa mà chúng ta chưa biết được.

Khoảng năm 1692 – 1695, sau những biến cố chánh trị và các cuộc nổi loạn của A Ban, Chưởng Cơ, Nguyễn Phước Thông, Nguyễn Phước Huệ, Quảng Phú và Linh Vương ở Quảng Nam đến Qui Nhơn, Tổ sư Nguyên Thiều và một số đệ tử đã phải bỏ trốn vào Đồng Nai. Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch lập chùa Kim Cang ở Bình Thảo, thiền sư Thành Đăng trụ trì chùa Đại Giác ở Đại Phố Đồng Nai, một số khác trốn vào rừng núi (Minh Hải – Pháp Bảo ở núi Thiên Ấn, Minh Lượng và Minh Phụng ở Khánh Hòa...)

Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch và một số đệ tử vào Đồng Nai đã giúp cho Phật Giáo ở Đồng Nai – Sài Gòn phát triển mạnh. Tổ sư đã đào tạo thêm được nhiều đệ tử nổi danh như Minh Vật – Nhứt Trí, Minh Giác Kỳ Phương hay Thành Đạo, Thành Nhạc – Ấn Sơn... Các đệ tử của Tổ sư đào tạo thêm các pháp tôn nổi danh khác, mở rộng phạm vi hoàng hóa khắp Đồng Nai, Sài Gòn và lan rộng xuống Mỹ Tho, Định Tường, Châu Đốc... còn truyền thừa cho đến nay ở Nam Bộ.

Năm 1744, chúa Nguyễn Phước Khoát chánh thức xưng Vương (Chúa Võ Vương hay Từ Tế Đạo Nhân) đã phát động mạnh phong trào di dân từ miền Trung vào Đồng Nai – Sài Gòn giúp cho dân số ở đây tăng thêm và Phật Giáo cũng phát triển mạnh thêm ở Sài Gòn.

- Thiền sư Phật Ý – Linh Nhạc khai sơn chùa Từ An (năm 1744) và phát triển chùa Khải Tường ở xã Tân Lộc.
- Chùa Giác Lâm được Cư sĩ Lý Thoại Long lập năm 1744 ở xã Tân Long, phát triển hưng thịnh từ sau khi Thiền sư Tổ Tông – Viên Quang về trụ trì.

Một số thiền sư từ miền Trung vào hoàng hóa ở Sài Gòn.

- Thiền sư Pháp Nhân – Thiên Trường khai sơn chùa Thiên Trường ở thôn Tân Triêm (Cầu Kho) năm Ất Hợi (1755)
- Thiền sư Đạt Bốn từ Qui Nhơn vào lập chùa Kim Chương (năm 1756).
- Thiền sư Toàn Tánh – Chánh Đắc khai sơn chùa Tập Phước ở xã Bình Hòa, sau lên trụ trì chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một.
- Thiền sư Phật Chiếu – Linh Quang khai sơn chùa Phước Tường (Thủ Đức)
- Thiền sư Phật Chí – Tịnh Hạnh khai sơn chùa Long Nhiễu (Thủ Đức)
- Thiền sư Thiệt Thoại – Tánh Tường khai sơn chùa Hoa Nghiêm (Đời Minh Mạng đổi lại là Huệ Nghiêm vì kỵ húy Hoàng Hậu) ở Thủ Đức.
- Thiền sư Đại Ngạn – Từ Tân lập chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một.
- ...

Sang thời các vua nhà Nguyễn, nhiều chùa mới lập thêm ở Đồng Nai – Gia Định.

- Hòa thượng Phước An hoàng hóa ở chùa Hưng Long năm 1803 do Bình Yến quyên tiền xây dựng từ năm Giáp Dần (1794).
- Tăng Ngộ lập chùa Tôn Thạnh ở Cần Giuộc năm 1808.
- Chùa Long Hưng (Chùa Bà Thao) ở Bình Phước (Tân Uyên – Sông Bé ngày nay).
- Chùa Long Thắng ở cù lao Rùa (Biên Hòa)
- Chùa Thiên Long ở Bình Phước (Biên Hòa)
- Chùa Hội Sơn, chùa Phụng Sơn, chùa Cây Mai, chùa Phước Kiếm, Chùa Trường Thọ... được thành lập ở Gia Định.

C. TỔ SƯ NGUYÊN THIỀU – SIÊU BẠCH KHAI SƠN CHÙA KIM CANG Ở ĐỒNG NAI VÀ PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM.

Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch thuộc phái thiền Lâm Tế, đời 33 đã từ Trung Hoa sang Đàng Trong hoàng hóa vào giữa thế kỷ 17. Hầu hết các sách lịch sử Phật Giáo Việt Nam đều cho rằng Tổ sư Nguyên Thiều chỉ hoàng hóa từ Bình Định (Lập chùa Thập Tháp – Di Đà), ra Thuận Hóa (Lập chùa Hà Trung), đến Phú Xuân (Lập chùa Quốc Ân) và viên tịch ở chùa Hà Trung.

Nhưng vào ngày 26 – 12 – 1989, chúng tôi phát hiện được một bảo tháp của Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch và tháp Phổ Đồng ở chùa Kim Cang hay chùa Tháp, thuộc ấp Bình Thảo, xã Bình Phước, thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai, và với các tài liệu ở chùa cổ ở Đồng Nai khác như Đại Giác, chùa núi Châu Thới, chùa Long Thiên, Chùa Bửu Phong... Chúng tôi thấy rằng:

Trong khoảng thời gian 1694 – 1695 có thể Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch đã từ chùa Hà Trung vào Đồng Nai lập chùa Kim Cang hoàng hóa ở Đồng Nai và viên tịch ở chùa Kim Cang ngày 19 tháng 10 năm Mậu Thân (1728), đồ chúng lập tháp thờ vào năm Kỷ Dậu (1729).

(Xem chương III: Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch).

C. CÁC THIÊN SƯ HOÀNG HÓA Ở ĐỒNG NAI – GIA ĐỊNH THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN.

I. THIÊN SƯ BỬU PHONG KHAI SƠN CHÙA BỬU PHONG (NÚI BỬU LONG).

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí, phần tỉnh Biên Hòa có ghi:

“Núi Bửu Phong ở phía Nam huyện Phước Chánh 13 dặm, phía Tây dòm xuống sông lớn (sông Đồng Nai), làm hậu vệ cho núi Long Ẩn. Trên núi có chùa Bửu Phong, khói mây man mác, cây cối um tùm là thắng cảnh thứ nhất trong tỉnh hạt (Biên Hòa).

Khi xưa có tăng sĩ hiệu Bửu Phong, lập chùa trên núi, nên gọi là núi Bửu Phong.

Sau này, dưới triều đại vua Minh Mạng, núi Bửu Phong được đổi tên lại là Bửu Long là vì hình thể long huyết ẩn tàng ở núi này.

Hiện chưa biết thiên sư Bửu Phong thuộc phái thiên nào và hành trạng ra sao ?

CHÙA BỬU PHONG.

Chùa Bửu Phong trên núi Bửu Long xưa thuộc thôn Bình Điền, tổng Tân Chánh, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên, sau này là xã Bửu Long, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa, nay là xã Tân Bửu, thành phố Biên Hòa.

Khi xưa, thiên sư Bửu Phong lập am tranh để tu hành. Lúc đó, núi Bửu Long còn là vùng rừng núi hoang vu với nhiều thú dữ như voi, cọp...ở cạnh tả ngạn sông Đồng nai, cách phía Nam huyện lỵ Phước Long 13 dặm. Vì thế, ngay bên đường đi từ Biên Hòa lên thác Trị An, khi rẽ vào núi Bửu Long, có cổng chùa bằng đá xanh, hai cột cổng có khắc câu đối:

“BỬU THẠCH LONG ĐÀU, CỔ CẢNH LINH QUI TẠI
PHONG SƠN HỔ CỨ, VẠN ĐẠI CHIẾU PHỤNG TỒN”

Tạm dịch:

“Đá quý rồng châu, cảnh xưa rùa linh hiện,
Đỉnh núi cọp ngụ, muôn đời phụng còn mùa”

Cảnh chùa Bửu Long và núi Bửu Long xinh tươi và chùa linh thiêng còn được mô tả qua cặp câu đối khác ở chùa Bửu Long như sau:

“TƯỢNG CỬ LONG BÀN, ĐÁO THỦ ĐỐN SANH AN ỔN TƯỜNG,
QUI MINH KINH HẦU, VẮNG LAI HIỆP CHÚNG HỈ HOAN DUYÊN”

Bước qua cổng đá cao, trên có khắc “Bửu Phong cổ tự”, đi theo đường mòn vào chân núi, bước theo các bậc bằng đá xanh, lên đến một trăm bậc đá là đến đỉnh núi; đỉnh núi tương đối bằng phẳng, queo qua trái chừng vài chục bậc là một cổng nhỏ, bề ngang khoảng 2m, cao khoảng 2m, hai cột cổng có cặp câu đối mang âm điệu nhẹ nhàng, thanh thoát nhưng nêu lên tư tưởng thâm sâu, siêu thoát của giáo lý đạo Phật:

“PHÁP LUÂN QUẢNG ĐẠI, CÀN KHÔN CHUYỂN
NHAM ĐỘNG U THÂM, TUỆ NGUYỆ NHÀN”

Tạm dịch:

“Phật pháp phổ rộng, trời đất chuyển
Động đá thâm u năm tháng nhàn”

Phật pháp luân chuyển, quảng bá rộng khắp nơi, làm rung chuyển cả vũ trụ; nhưng nơi động đá thâm u, bậc tu hành đắc đạo vẫn sống thanh nhàn tự tại, không để ý đến thời gian không gian.

Bước vào cửa hông phải chùa, là hành lang có mái che, nối liền chánh điện và nhà hậu tổ.

Phía bên phải là phần sau của chánh điện, xưa kia là nhà giảng rộng, với một số bàn thờ, nổi bật lên hết là bàn thờ Phật Chuẩn Đề.

Trên chánh điện, ở giữa thờ các tượng Phật to lớn và trang nghiêm. Dọc theo các hàng cột có các câu liễn, ở đầu câu có chữ “Bửu Phong” như:

- “Bửu điện nguy nga, lẫm kim xu, nghiêm sắc tướng
Phong sơn nham lạnh, minh minh thương hải phiếm từ thuyền”

(Nơi bào điện nguy nga của chùa Bửu Phong, sắc tướng đức Phật trang nghiêm ngự trị lẫm liệt. Nơi núi Bửu Long xa xôi vắng vẻ, chiếc thuyền từ bi của đức Phật phiêu mờ trên biển khổ của cuộc đời để cứu độ thế gian)

- “BỬU NGỌC PHỐI TỀ, Y KHÊ LÃNH,
PHONG SƠN QUANG MỸ TỌ KỲ VIÊN”

Núi Bửu phong cao đẹp (như núi Nam Nhạc ở Trung Hoa) phối hợp hài hòa giữa cảnh suối đẹp trong lành, giống như phong cảnh núi rừng xanh tươi của vườn kỳ viên, nơi đức Phật thuyết pháp phổ độ chúng sanh ngày xưa.

Hàng cột trước chùa có chạm hai câu đối:

“NHÂN TIÊN TỨC THỊ TÂY PHƯƠNG,
KỲ THU KIM LIÊN THẮNG BỬU CẢNH
TÂM HƯƠNG HÀ TU NAM HẢI,
LONG TRIỀU HỔ CỨ HỘ PHONG SƠN”

Cảnh chùa Bửu Phong ở trước mắt là cảnh Tây Phương cực lạc của đức Phật Di Đà hoặc như là cảnh tịnh xá Kỳ Viên trong vườn Cấp Cô Độc, nơi đức Phật hoàng pháp thời xưa, giống như cánh xan vàng nổi vọt lên giữa cảnh rừng núi quý báu linh thiêng.

Tâm hướng về cõi từ bi của Bồ Tát Quan Thế Âm bao la như biển cả, khiến cho đến cạp cũng phải hàng phục, rồng phải châu nơi ngôi chùa bửu phong hộ trì Phật pháp.

Bên cạnh chùa Bửu Phong, trên đỉnh núi Bửu Long còn có các tảng đá đặc biệt:

- Long đầu thạch (tảng đá đầu rồng): tức tảng đá lớn giống như đầu một con rồng.
- Hổ đầu thạch (tảng đá đầu cọp): gồm hai mảnh đá lớn giống như đầu một con cọp đang há miệng.

Cảnh chùa Bửu Phong có địa thế “Rồng châu hổ phục” với đầy đủ yếu tố của đất linh thiêng tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền Châu Tước, hậu huyền vũ, là một ngôi chùa cổ linh thiêng, đào tạo được nhiều thiền sư tài cao đức trọng và nổi danh như: Thành Chí – Pháp Thông, Tổ Tông – Viên Quang (sau trụ trì chùa Giác Lâm ở Sài Gòn)... Tiên Khuyển – Tứ Nhượng, Tiên Trí – Quảng Thông.

Hình:

- Chùa Bửu Phong (Đồng Nai)
- Tháp Tổ ở chùa Bửu Phong
- Tháp của Thiền sư Pháp Thông – Thiện Hỉ.

II. THIÊN SƯ PHÁP THÔNG – THIÊN HỈ VỚI CHÙA LONG ẨN.

Thiền sư Pháp Thông thuộc phái thiền Tào Động, thế hệ thứ 36 (1), khai sơn chùa Long Ẩn vào năm Quý Sửu (chưa rõ năm 1733 hay 1793).

Chùa Long Ẩn được xây dựng trên núi Long Ẩn, thuộc thôn Tân Lại, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên (nay là xã Tân Bửu, thành phố Biên Hòa), nằm bên mặt đường liên tỉnh từ Biên Hòa lên thác Trị An (cách Biên Hòa 4km).

Chùa Long Ẩn dựa lưng vào núi Long Ẩn, mặt quay về sông Đồng Nai ở hướng Nam, bên kia sông Đồng Nai ở phía xa xa là núi Châu Thới, tiền phong của núi Long Ẩn. Phía sau núi Long Ẩn lại có núi Bửu Long (xưa gọi là núi Bình Điện) ở phía Bắc làm hậu vệ. Sông Đồng Nai từ thác Trị An đổ về biển Đông, chia làm hai nhánh bao quanh cù lao Rùa (xã Thạnh Hội), hợp lại hướng thẳng về cù lao Phố (xã Hiệp Hòa), Vì vậy, có câu thơ:

Phía sau Bình Điện (1) ngăn phong lãnh,
Mé trước Trường Giang (3) nước chảy quanh.

Quanh núi Long Ẩn ngày xưa là rừng rậm, có nhiều tre nứa và nhiều thú dữ, có cả cọp, beo, voi... phía dưới sông Đồng Nai có nhiều rùa, rắn...

Trước chùa Long Ẩn, phía dưới chân núi, ngày xưa là lối đi của voi, các đàn voi từ trong rừng sâu ra sông Đồng Nai uống nước và tắm, nên tục gọi là Trông Voi. Vì vậy, xứ có bài thơ (hiện chưa biết tác giả là ai):

Trên chùa Long Bích dưới trông voi,
Nước bích xem coi rất mặn mòi,
Sóng bủa gành nghề hình quái cổ,
Nước xao hàng rắn tiếng reo cói.

Núi Long Ẩn là một ngọn núi linh, nằm ở vùng linh địa, có nhiều sản vật quý dưới lòng đất thỉnh thoảng còn có cả đá thủy tinh trong suốt, rất tối. Dưới có hầm đá sâu lại thỉnh thoảng có đá trắng pha chất vàng chiếu sáng như “vàng gôm”,

- (1) Ở bia tháp của Thiền sư Pháp Thông có ghi năm Quý Sửu và thọ giáo Thiện Hảo tự chú thích là năm 1613, chúng tôi cho rằng năm 1613 là sai, vì Thiền sư Pháp Thông là thiền sư phái Tào Động, thế hệ 36, trong lúc đó, Hòa thượng Thạch Liêm, thế hệ 29 của phái này sanh năm 1633, tịch năm 1704.
- (2) Bình Điện: núi Bình Điện hay núi Bửu Long.
- (3) Trường Giang tức sông Đồng Nai hay sông Phước Giang.

Sau khi Tổ sư Pháp Thông – Phước Hỷ viên tịch, đồ chúng lập tháp ở phía trước sân chùa, nằm về phía bên phải. Tháp xây theo hình khối lục giác, mỗi cạnh ở dưới đất khoảng 2m. Tháp cao 4 tầng với đỉnh là một bầu hồ lô, tháp cao khoảng gần 6m. Phía trong tháp có một bia đá (có thể kể về sự tích của Tổ Pháp Thông), phía ngoài có cửa vào (nhưng năm 1972 Giáo thọ Thiện Hỷ đã làm một bia đá nhỏ bịt kín cửa vào bên trong tháp, nên hiện chưa rõ được nội dung của tấm bia trong tháp đó).

Năm Tự Đức thứ 10 (1857), thiền sư Từ An lập lại biển hiệu chùa “Long Ẩn tự” vì bảng cũ bị mục nát.

Năm Nhâm Thìn (1952), cơn lụt lớn đã làm sập đổ chùa Long Ẩn. Đến năm 1960, sư trụ trì chùa là Thích Thiện Hảo mới trùng tu chùa, chùa ở ấp Tân Lại, xã Tân Thành, xây dựng chùa mới như ngày nay.

Trên núi Long Ẩn, năm 1958, có một số tu sĩ đến hang ở trên đỉnh núi sửa sang lại thành chùa Long Sơn Thạch Động và dân địa phương thường gọi là chùa Hang (trong đó, chùa Bửu Phong trên núi Bửu Long gọi là chùa Núi).

Từ chùa Hang trên núi Long Ẩn nhìn ra xa, thấy được toàn cảnh của thành phố Biên Hòa. Đứng trước chùa Hang nhìn xuống chân núi là hồ Long Ẩn, làn nước xanh bao phủ một vùng, một số tảng đá đủ hình đủ cỡ nhô lên rải rác khắp hồ. Phía xa, là sông Đồng Nai thơ mộng trải dài, uốn khúc, quanh co, xuôi về thành phố Biên Hòa.

Hồ Long Ẩn ở chân núi Long Ẩn do con người tạo ra khi khai thác đá ở đó, nhưng hồ Long Ẩn trở thành một cảnh đẹp, gần giống như vịnh Hạ Long được thu nhỏ lại. Hồ Long Ẩn cũng là một thắng cảnh cho khách du lịch hay khách hành hương.

Hồ Long Ẩn, núi Long Ẩn hợp với chùa Bửu Phong và núi Bửu Long là một khu du lịch nên thơ và lý tưởng của Đồng Nai.

III. CHÙA SẮC TỬ VẠN AN.

Chùa sắc tử Vạn An ở thôn Phước An, xã Phước Long, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa (xưa thuộc dinh Trăn Biên, huyện Phước Long), nay thuộc huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

chưa biết được thành lập vào năm nào, nhưng năm 1710, chùa được chúa Nguyễn Phước Châu; tự Thiên Tung Đạo Nhân ban cho bảng tên chùa, ở giữa đề “Sắc Tứ Vạn An tự” bên phải đề “Vĩnh Thành lục niên thất nguyệt cát nhật” (ngày tốt tháng 7 năm Vĩnh Thành thứ sáu) (1710) bên trái đề “Quốc chủ Thiên Tung Đạo Nhân ngự đề” (Vua là Thiên Tung Đạo nhân viết).

Hiện chữ biết chùa Sắc tứ Vạn An do thiền sư nào khai sơn và truyền thừa ra sao ? Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), chùa Vạn An bị cháy, bảng tên chùa được gửi sang chùa Long Hưng.

Chùa còn có bảng truyền thừa “Chánh pháp nhãn tạng” của Hòa thượng Liễu Huệ – Tâm Thông (phái thiền Lâm Tế, chi phái Minh Hải – Pháp Bảo ở chùa Chúc Thành, đời 37) truyền cho Liễu Minh – Hoàng Giác vào ngày rằm tháng 7 năm Canh Ngọ (1) và Hòa thượng Liễu Minh Hoàng Giác truyền cho Đại sư Đạo Sanh – Minh Công vào ngày rằm tháng Sửu (12) năm Quý Tị (2). Bảng chánh pháp nhãn tạng này được viết trên một tấm vải bề ngang 27cm, dài 3,70m (nối rất khéo), xung quanh chạy hoa văn các con rồng nối nhau (kiểu lưỡng long tranh châu).

Tháp của Hòa thượng Liễu Huệ – Tâm Thông hiện còn ở phía bên phải, trong khuôn viên chùa Sắc tứ Vạn An. Tháp lục giác, cao ba tầng, làm bằng hợp chất (vôi trộn ô dước), cao khoảng 2 – 3m, trên có hoa văn và câu đối, nhưng đều bị hư hỏng nhiều.

Bên cạnh tháp của Hòa Thượng Liễu Huệ, còn có một cái tháp nữa, nhưng bia bị hư, chưa biết thiền sư nào. Chùa còn thờ long vị: “An ban từ Tổ Lâm Tế Chánh Tông, Tam thập thất thế, húy Liễu Huệ thượng Tâm hạ Thông Hòa thượng chi vị. Nhâm Tý niên, chánh nguyệt, sơ thất nhật, tý thời sanh.

IV. CHÙA SẮC TỨ HỘ QUỐC.

Chùa Sắc tứ Hộ Quốc hay chùa Hộ Quốc, hiện nay được gọi là chùa Sắc tứ Hộ Quốc quan, nằm trên bờ hữu ngạn sông Đồng Nai, thuộc xã Tân Vạn, Thành phố Biên Hòa.

Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức viết: “Chùa Sắc tứ Hộ Quốc ở phía bờ Nam sông Phước Giang (3), cách phía Đông của trấn (Biên Hòa) 8 dặm, do Thống suất Trần Cửu Vân sáng lập, năm Giáp Dần (1734) đời Túc Tông – Hiếu Minh Hoàng đế 4 ngự tứ biển ngạch vữa vàng trên có khắc chữ: “Sắc tứ Hộ Quốc tự”, bên trái khắc “Long đức tam niên, tuế thứ Giáp Dần, trọng thu”, bên phải khắc “Vân Tuyền Đạo Nhân”, nét chữ cứng cõi !

(1) Năm Canh Ngọ chưa rõ năm nào ?

(2) Năm Quý Tị chưa rõ năm nào ?

(3) Sông Đồng Nai đời nhà Nguyễn được gọi là sông Phước Giang.

(4) Túc Tông – Hiếu Minh Hòa Đế tức chúa Nguyễn Phước Trú (1725 – 1738).

Cảnh chùa trang nghiêm, cửa thiền thanh tịnh, đáng kể là nơi lạc thổ của Nam Tông.

Chùa bị phá hủy trong thời Tây Sơn, tượng Phật, rường cột, gạch ngói tồi tàn, nay làm nhỏ lại và lợp tranh, hãy còn di tích.

Qua đoạn văn trên chúng ta biết được là : Chùa Sắc tứ Hộ Quốc do Thống suất Trần Cửu Vân sáng lập, chưa rõ năm nào.

Năm Giáp Dần, hiệu Long Đức thứ ba, tức năm 1734 chúa Nguyễn Phước Trú, đạo hiệu là Vân Tuyền Đạo Nhân ban cho biển ngạch chữ vàng, trên đề tên chùa “Sắc tứ Hộ Quốc Tự”.

Đến thời hiện đại, dân chúng địa phương đã gói công trùng tu mới lại chùa Sắc Tứ Hộ Quốc, xây bằng gạch, mái ngói, nhưng lối kiến trúc thông thường, không giữ kiểu kiến trúc xưa, và sửa tên chùa lại là “Sắc tứ Hộ Quốc Quan”.

Chùa Sắc tứ Hộ Quốc Quan hiện chỉ còn có vài long vị xưa của chư Tổ ở chùa này, vị xưa nhất là Thiền sư Đạm Tuyền, húy Tâm Trạm, phái thiền Lâm Tế, thế hệ 35, sanh ngày 30 tháng chạp năm Nhâm Thân (1), tịch ngày 29 tháng 10 năm Tân Tị (2).

- (1) Năm Nhâm Thân có thể là năm 1692 (?)
 (2) Năm Tân Tị có thể là năm 1761 (?)

Hình:

- Chùa Sắc Tứ Vạn An (Biên Hòa).
- Chùa Sắc tứ Hộ Quốc (Biên Hòa)
- Chùa Long Thiền (Biên Hòa)

**V. HÒA THƯỢNG THÀNH NHẠC – ẨM SƠN (? – 1776)
 (PHÁI THIÊN LÂM TẾ, ĐỜI 34).**

Hiện chưa biết rõ về quê quán và hành trạng của Hòa thượng Thành Nhạc – Ẩn Sơn, chỉ biết: Hòa thượng Thành Nhạc là đệ tử của Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch, và Hòa thượng Thành Nhạc đã khai sơn chùa trên núi Châu Thới, Hòa thượng Thành Nhạc vẫn thỉnh thoảng xuống bến Ngựa trên sông Đồng Nai để tắm, sau này các đệ tử hay pháp tôn mới lập chùa Long Thiền (xã Bửu Hòa, tỉnh Biên Hòa sau này).

Hòa thượng Thành Nhạc – Ẩn Sơn viên tịch ngày 17 tháng Chạp năm Bính Thân (1776) ở chùa núi Châu Thới, đệ tử lập tháp ở gần chùa để an táng và thờ cúng. Sau này, tháp này bị hư sập nên đệ tử lập thêm tháp ở chùa Long Thiền để thờ vọng (1)

Qua tài liệu ở chùa Châu Thới, chùa Phước Tường (Thủ Đức), chùa Long Thiền và chùa Hiến Lâm (Đồng Nai), chúng ta biết được là Hòa Thượng Thành Nhạc – Ẩn Sơn có đệ tử nổi danh là thiền sư Phật Chiếu – Linh Quang trụ trì chùa Long Hưng (?) và chùa Phước Tường ở xã Tăng Nhơn Phú (Thủ Đức).

Hòa thượng Thành Nhạc còn có hai đệ tử nữa là Phật Bửu và Phật Định, nhưng hiện chưa biết về tiểu sử và hành trạng của hai vị này.

- (1) Theo lời kể của hai huynh đệ là Tỳ Kheo và Đại đức chùa núi Châu Thới (năm 1989). Trong khi đó, Hòa thượng Huệ Thành cho rằng chùa Long Thiền do thiền sư Bồn Quả (Bồn Kiểu) thành lập vào năm 1664 (?)

Qua các tài liệu ở các chùa trên, chúng ta có được tạm thời truyền thừa của Hòa thượng Thành nhạc – Ẩn Sơn như sau:

Đời 33	Nguyên Thiều – Siêu Bạch.				
Đời 34	Thành Nhạc – Ẩn Sơn				
Đời 35	Phật Chiếu – Linh Quang	Phật Bửu – Phật Định		Đời 36 Tổ Kim	Tổ
thuận	Lâm Đức Sơn	Tổ Chơn			
	Từ Chơn	Đức An	Phổ chiếu	Phước Quang	
Đời 37	Tiên Đức		Tiên Kiên	Tiên Hiền	
	Tịnh Trang		Từ Tâm	Tứ Minh	
Đời 38	Minh Thị			Minh Huệ	
	Thiện Bảo			Phước Thắng	
Đời 39	Như Luật			Như Tần	
				Phước Huệ	
Đời 40	Kiểu Oai				
	Tâm Minh				

Đời 41	Nhứt Giác	Nhứt Giáo	
	Huệ Đạt	Huệ Lâm	
		Lệ Hạnh	
		Thiện Viên	
	Long Thiên	Hiển Lâm	Phước Tường

VI. THIÊN SƯ NGỘ CHÂN (HÒA THƯỢNG LONG CỐC).

Thiên sư Ngộ Chân thuộc phái thiền Lâm Tế, chưa rõ năm sanh, chỉ biết sư đến lập chùa Hang trên núi Chứa Chan (hay Gia Ray), ở khe Gia Lào để tu hành, sư gọi hang núi này là Long Cốc (hang Rồng). Vì vậy, thiên sư Ngộ Chân còn được gọi là “Hòa thượng Long Cốc”.

Trong sách Đại Nam Nhất thống Chí có kể về Thiên sư Ngộ Chân như sau:

Núi chứa Chan ở phía Bắc huyện Phước Khánh (Long Khánh ngày nay) 56 dặm, núi non sừng sững giữa khu rừng rậm hoang vu. Gần chân núi có khe Gia Lào, giáp với huyện Long Khánh và huyện Phước Bình. Núi có nhiều gỗ quý, có cả cây trầm hương và nhiều loại dây mây tau. Ở lưng chừng núi có thạch động và giếng đá, thiên sư Ngộ Chân đến đó để tu.

Sau khi thiên sư Ngộ Chân đến núi Trấn Biên (hay núi Mô Xoài), nay gọi là núi Dinh, ở gần Bà Rịa lập chùa Đức Vân để tu trì.

Thiên sư Ngộ Chân tịch cốc (Không ăn cơm) chỉ ăn rau quả, tu hành khổ hạnh tinh nghiêm, đạt được đạo quả, nên giáo được cả thú dữ (hùm, beo, trăn, rắn...) lại dùng Mật Tông trị bệnh cho bá tánh. Trong sách Gia Định thành thông chí, An toàn hầu Trịnh Hoài Đức có kể về Thiên sư Ngộ Chân như sau:

“Núi Trấn Biên, tục danh núi Mô Xoài (hay núi Mỗi Xuy) cách phía Đông trấn Biên Hòa 154 dặm. Hình núi cao ngất xanh um, có những hang nai, đồi thông, mây phủ suốt reo, cảnh trí u tịch, châu về Gia Định, hình dung dãy núi thanh tú, trải rộng thênh thang. Lưng chừng núi lại có động đá thâm u và khuất khúc chật hẹp, đi vào không cùng tận. Có thềm tảng tịnh cốc tên là Ngộ Chân. Cát chùa Đức Vân nơi cửa động để tu trì, hằng ngày chỉ ăn rau quả niệm Phật, luyện tập được cả hùm beo, lại hay vẽ bùa chữa bệnh, thâu được lễ tạ thì đem phân phát cho những người nghèo khổ, cũng là vị cao tăng đắc đạo vậy” (1). Đệ tử Hòa thượng Long Cốc cất chùa Long Cốc ở xã Long Hưng (thị trấn Bà Rịa), chùa mới được trùng tu (năm 1990).

(1) Gia Định Thành Thông Chí.

Thiên sư Ngộ Chơn có lẽ là thuộc đời 39, phái thiền Lâm Tế, truyền theo bài kệ “Tổ Đạo Giới... Siêu Minh Thiết Tế Liễu Đạt Ngộ Chơn” vì ở chùa Long Cốc ở Bà Rịa có các long vị sau:

- “Long Cốc Sơn tự, Đại lão Hòa thượng, Giác linh chi vị” (Viên tịch 30 tháng 11 âm lịch)
- Lâm Tế chánh tông, tứ thập thế, húy Chơn thời, thượng Đạo hạ Xuân Hòa thượng Giác Linh chi vị”.

Như vậy Hòa thượng Long Cốc có đệ tử là Chơn Thời – Đạo Xuân.

VII. HÒA THƯỢNG THÀNH CHÍ – PHÁP THÔNG HAY MINH DUNG (1691 – 1749 ?) (PHÁI THIỀN LÂM TẾ, ĐỜI 34).

Hòa thượng Thành Chí – Pháp Thông còn có pháp danh là Minh Dung là đệ tử Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch.

Hòa thượng Pháp Thông hoằng hóa ở chùa Hưng Long và chùa Hoàng Long (?)

Long vị thờ ở chùa Tháp Tháp – Di Đà (Bình Định) có ghi:

- Từ Lâm Tế chánh tông, tam thập tứ thế, Hoàng Long đường thượng, húy Minh Dung, thượng Pháp hạ Thông, Hòa thượng giác linh.

- Tân mùi niên thất ngoạt, thập nhứt nhứt, mảo thời lai
- Kỷ Tị niên, bát ngoạt, thập nhứt nhứt, Tuât thời khứ.

Như vậy Hòa thượng Thành Chí – Pháp Thông sanh ngày 22 tháng 7 năm Tân Mùi (có thể là năm 1691) và tịch vào giờ Dậu ngày 11 tháng 8 năm Kỷ Tị (có thể là năm 1749).

Long vị ở chùa Quốc An (Huế) ghi: “Từ Lâm Tế chánh tông, tam thập tứ thế, Hoàng Long đường thượng, húy Thành Chí, thượng Pháp hạ Thông lão Hòa thượng giác linh tọa vị”.

VIII. TƯỢNG BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM CỔ XƯA ĐƯỢC TÌM THẤY Ở BÀ RỊA VÀO NĂM 1753.

Vào năm Quý Dậu (1753) dân chúng ở Bà Rịa tìm thấy một tượng Bồ Tát Quan Âm ở giữa rừng tre trên gò Am Ong Sãi Ngò thuộc địa phận làng Hội Mỹ, giáp ranh với chùa Gia Thạnh, Phước Lợi. Dân các làng trên đến thỉnh về: mấy chục thanh niên của làng Hội Mỹ và làng Gia Thạnh đến khiêng về, nhưng không nhích lên nổi. Đến phiên làng Phước Lợi, tám vị bô lão làm lễ khẩn vái, rồi khiêng lên dễ dàng và thỉnh về chùa Linh Sơn của làng một cách nhẹ nhàng.

Đến thế kỷ 20 Hòa thượng Huệ Vinh trụ trì chùa Linh Sơn làm thơ kể lại sự tích như sau:

LINH SƠN CỔ TỰ.

Tại gò Am Ong Sãi Ngò,
 Vào năm một bảy năm ba
 Là năm Quý Dậu đến nay mấy đời,
 Hai trăm năm lẻ cơ trời khiến cho.
 Ở gò Am Ong Sãi Ngò,
 Thuộc làng Hội Mỹ, rừng gò cỏ cây.
 Bỗng đâu xuất hiện tượng này
 Quan Âm Bồ Tát tỏ tường,
 Tưởng rằng Gò nổng đá thường,
 Chấn trâu đập đá thảm thương vô cùng
 Bao năm giữa chốn lạnh lùng,
 Tuyết sương bao quản mưa phùn ai hay,
 Năm năm tháng tháng ngày ngày,
 Dân tình để ý đồn rày khắp nơi,
 Này rày tưởng Phật ai ơi,
 Quan Âm Bồ Tát quả trời ban đây.
 Làng trên, xã dưới đông đây,
 Đến xi cầu nguyện thỉnh ngay về thờ,
 Gia Thạnh, Hội Mỹ chực chờ
 Cà chục dân làng khiên đỡ chẳng lên,
 Đức linh Phật đã đạt lên,
 Về đâu Phật đã định lên làng nào,
 Khúc nê kể nổi âm hao.
 Duyên lành gặp Phật biết bao nỗi niềm.
 Nghe qua Phước Lợi đi tìm,
 Đến khi nguyện vái êm đềm lên vai,
 Tám ông bô lão kê vai
 Nhẹ nhàng cất bước thỉnh Bà vui tươi.
 Thờ Bà tại chốn thảo lư

Đến nay ngôi thứ hưởng dư phước đây.
Linh Sơn Bửu tự chùa này.
Nghiêm linh sùng bái dân rày khương an.
Xưa đây là chốn rừng hoang,
Trần – Dương hai họ mở mang xóm làng,
Thác khai ruộng đất đàng hoàng,
Ngày này trăm họ sống an vui vậy.
Nhờ ơn Phật Tổ Như Lai
Quan Âm Bồ Tát độ hoài dân sinh,
Sớm khuya chuông mõ oai linh,
Trụ trì Hòa thượng Huệ Vinh tụng cầu.

Tượng Quan Âm Bồ Tát này bằng đá, lớn hơn người thật, chạm khắc mỹ thuật.

Tượng chạm Bồ Tát ngồi thiền, khuôn mặt trái soan đầy đặn, phúc hậu, trái tai dày và dài.

Hiện chưa biết tượng này được chạm khắc từ năm nào, từ đâu đưa về đây ?

(Vùng đất Bà Rịa xưa thuộc nước Phù Nam và Chân Lạp. người Việt đến Bà Rịa vào khoảng đầu thế kỷ 17.

Vào năm 1679 một số người Trung Hoa thuộc triều đại nhà Minh không chịu đầu hàng nhà Thanh đã bỏ xứ, sang Đàng Trong xin thần phục chúa Hiền. Chúa Hiền (Nguyễn Phước Tần) đã cho họ vào làm ăn sinh sống ở vùng Bà Rịa – Đồng Nai và vùng Mỹ Tho.

Hình:

- Cổng Tam Quan chùa Hội Khánh.
- Chùa Hội Khánh
- Bảo tháp của Thiền sư Toàn Tánh – Chánh Đắc ở chùa Hội Khánh.

IX. CHÙA HỘI KHÁNH.

Chùa Hội Khánh ở chân ngọn đồi thuộc ấp Bàu Dầu, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, là một trong những ngôi chùa xưa nhất của tỉnh Sông Bé.

A. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ TRÙNG TU.

Vào thời chúa Nguyễn Phước Khoát (1738 – 1765), năm Tân Dậu (1741), Thiền sư Đại Ngạn – Từ Tấn thuộc thế hệ 37, phái thiền Lâm Tế đến ngọn đồi thuộc làng bình An, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên lập am tu hành. Sau một thời gian hoằng hóa, Phật tử đến thọ giới ngày càng đông, am tranh được xây dựng thành chùa Hội Khánh.

Ngày mùng 9 tháng 9 năm Nhâm Thân (1812), Thiền sư Đại Ngạn – Từ Tấn viên tịch, đồ chúng lập tháp thờ ở ven chân đồi phía nam.

Kế thế trụ trì chùa Thiền sư Minh Huệ – Chân Kính. Sư Chân Kính sanh năm Tân Dậu (1741), viên tịch tại chùa vào ngày 21 tháng 12 năm Kỷ Hợi (cuối năm 1839, đầu năm 1840), đồ chúng lập tháp thờ gần tháp Tổ khai sơn.

Có lẽ thiền sư Chân Kính không có đệ tử nên thiền sư Toàn Tánh – Chánh Đắc, thuộc chi phái Chúc Thánh đến thay thế trụ trì chùa Hội Khánh.

Thiền sư Chánh Đắc, sanh năm Kỷ Dậu (1789), thuộc thế hệ 37, phái thiền Lâm Tế, truyền thừa theo bài kệ truyền phái của Tổ sư Minh Hải – Pháp Bảo (Minh Thiệt Pháp Toàn Chương...).

Hiện chưa biết rõ quê quán và hành trạng, thiền sư Chánh Đắc, chỉ biết, sư là đệ tử của Hòa thượng Pháp Nhân – Thiền Trường. Vào thời Tây Sơn đánh Gia Định (1776 – 1789), Hòa thượng Thiền Trường trụ trì chùa Tập Phước ở Gia Định. Nguyễn Vương Nguyễn Phước Anh bị quân Tây Sơn đánh bại trên đường chạy trốn, có ghé chùa Tập Phước trú ẩn một thời gian. Sư Chánh Đắc có lẽ qui y với Hòa thượng Thiền Trường ở chùa này.

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long tổ chức lại các đơn vị hành chính trong nước, tổng Bình An được đổi thành huyện Bình An trực thuộc trấn Biên Hòa. Năm Minh Mạng thứ 18 (1838) vua cho đổi trấn thành tỉnh, chùa Hội Khánh thuộc làng Phú Cường huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa. Khoảng năm 1839 có thể sư Chánh Đắc về trụ trì chùa Hội Khánh.

Năm 1858, quân Pháp đánh Đà Nẵng, năm sau Pháp đem quân vào đánh chiếm Gia Định và Biên Hòa. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chùa Hội Khánh bị quân Pháp đốt cháy (năm 1861).

Năm 1867, triều đình Huế ký hòa ước nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ (Nam Bộ ngày nay), chiến tranh lắng dịu bớt một thời gian. Năm 1868, Hòa thượng Chánh Đắc xây dựng lại chùa Hội Khánh, Hòa thượng không cất lại ở đỉnh đồi như cũ mà dời xuống ven chân phía Nam của ngọn đồi ở cạnh các tháp Tổ.

Vào giờ Ngọ, ngày 30 tháng 11 năm Kỷ Tị (1869), Đại lão Hòa thượng Toàn Tánh – Chánh Đắc viên tịch tại chùa Hội Khánh, thọ 81 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ ở sân phía trước chùa.

Đệ tử của Hòa Thượng Chánh Đắc là sư Chương Đắc – Trí Tập kế thế trụ trì.

Sau khi Hòa thượng Trí tập viên tịch (có lẽ là năm Canh Thìn 1880), đệ tử của Hòa thượng là sư Ấn Long – Thiện Quý. Hòa thượng Thiện Quý sinh năm Đinh Dậu (1837) và tịch vào ngày 25 tháng 10 năm Bính Ngọ (1906).

Đệ tử của Hòa Thượng là Chơn Thanh – Từ Văn kế thế trụ trì chùa Hội Khánh.

Hòa thượng Chơn Thanh – Từ Văn sinh năm Đinh Sửu (1877), có khiếu mỹ thuật và kiến trúc. Trong khoảng thời gian 1917 – 1919 hòa thượng Từ Văn trùng tu lại chùa Hội Khánh, chú tạo thêm các tượng Phật, Bồ Tát, La Hán... để thờ trong chùa. Các tượng Phật và kiến trúc chùa trong kỳ trùng tu này tồn tại cho đến những năm gần đây.

Chùa Hội Khánh được xây dựng với kiến trúc mỹ thuật và độc đáo nên vào năm 1920, ở nước Pháp có mở cuộc triển lãm ở thủ đô Paris, Toàn quyền Đông dương đã giao cho Hòa thượng Từ Văn quản lý thợ mộc, thợ chạm, thợ đúc... làm một ngôi đình theo kiến trúc xưa của Việt Nam gồm đủ tượng thờ pháp khí, điện thờ... để đưa qua Pháp. Sau cuộc triển lãm ngôi đình đó được đem về Việt Nam và dựng làm ngôi đình ở xã Phước Long, quận Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay thuộc huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé).

Năm 1923, trong phong trào chấn hưng đất nước theo ảnh hưởng của cách mạng ở Trung Hoa, Hòa thượng Từ Văn lập Hội Danh Dự Yêu Nước, hội chủ trương kính yêu và noi gương các tiền nhân, các anh hùng dân tộc, sống ngay thẳng đạo đức. Năm 1925 – 1926, cụ Nguyễn Sinh Sắc (Thân phụ chủ tịch Hồ Chí Minh) và một đồng chí là ông Lê Mạnh Trinh (hiện là tỉnh ủy tỉnh Bắc Thái) từ miền Trung vào Thủ Dầu Một ngụ tại chùa Hội Khánh, lấy nghề dạy học (dạy chữ Nho và chữ Pháp) và nghề thầy thuốc để truyền bá tư tưởng của hội, nâng cao dân trí, gây tình thân yêu nước, ngầm tuyên truyền tư tưởng chống Pháp giành độc lập cho dân tộc. Năm 1926, chánh quyền Pháp biết được hoạt động của Hội Danh dự yêu nước có âm mưu chống Pháp nên giải tán hội và lùng bắt những người lãnh đạo tích cực của hội như Nguyễn Sinh Sắc, Nguyễn Mạnh Trinh... Một bà thương gia ở chợ Thủ Dầu Một (1), đã nhờ thuyền chở hàng đưa cụ Sinh Sắc về Cao Lãnh lánh tránh và cụ Sắc đã sống ở đây cho đến ngày mất (1929). Đệ tử Hòa thượng Từ Văn là sư Như Tánh – Từ Tâm trụ trì chùa Bình Long ở quận Lái Thiêu (tỉnh Thủ Dầu Một) bị pháp bắt.

Hòa thượng Từ Văn là bậc đa văn, thông hiểu kinh điển và có tài thuyết pháp nên ngay từ còn là một tăng sĩ trẻ đã được thỉnh làm pháp sư trong các trường Hương ở Nam Kỳ.

Năm Quý Sửu (1913), Hòa thượng Từ Văn được thỉnh làm pháp sư trong trường hương ở chùa Tam Bảo (Rạch Giá).

Năm Bính Dần (1926) Hòa thượng Từ Văn là Pháp sư trong trường Hương ở chùa Hội Phước, xã Tân Thạch – Rạch Miễu tỉnh Định Tường (nay thuộc tỉnh Bến Tre).

Cũng trong năm này (1926), bà hội đồng Lương Khắc Minh xây dựng chùa Trường Thạnh ở Sài Gòn, xin Hòa thượng Từ Văn bổ xứ trụ trì, Hòa thượng cử Thiền sư Thiện Tông – Nguyên Thung ở chùa này.

Năm Mậu Thìn (1929) sư Thiện Tông mở trường Hương ở chùa Long Phước, Hòa thượng chùa Long Hoa là Hòa thượng đường đầu, Hòa thượng Từ Văn chứng minh.

Giờ Tý, ngày 26 tháng 11 năm Tân Mùi (1931), Hòa thượng Chơn Thanh – Từ Văn viên tịch tại chùa Hội Khánh, đồ chúng lập tháp thờ trong sân trước chùa.

Giáo thọ Ấn Bửu – Thiện Quý, sư thúc của Hòa thượng Từ Văn lên thay trụ trì chùa Hội Khánh. Giáo thọ Thiện Quý sanh năm Tân Dậu (1861) tịch tại chùa vào ngày 25 tháng 5 năm Tân Tị (1941).

Kế thế Giáo thọ Ấn Bửu – Thiện Quý (Tiên Quý) trụ trì chùa là sư thị Hoa – Thiện Hương có lẽ là đệ tử của sư Như Tánh – Từ Tâm và là Pháp tôn của Hòa thượng Chơn Thanh – Từ Văn.

(1) Bà nội của giáo sư Châu, dạy trường trung học tư thục Nguyễn Trãi ở Thủ Dầu Một.

Sư Thiện Hương sanh năm Quý Mão (1903), có tài đức, được phật tử địa phương kính mộ. Sư đã trùng tu lại chùa.

Sau cách mạng tháng tám năm 1945, chùa Hội Khánh là trụ sở của Hội Phật Giáo cứu quốc tỉnh Thủ Dầu Một, Hòa thượng Minh Tịnh (Chơn Phổ – Nhẫn Tế) trụ trì Chùa Tây Tạng là chủ tịch (đã tự túc sang Ấn Độ và Tây Tạng hành hương, tu học trong năm 1935 – 1936), sư Thiện Hương tích cực hoạt động trong hội này. Sư đã giao 30 mẫu ruộng của chùa Hội Khánh ở xã An Tây, quận Bến Cát để sư Thích Thiện Tràng ở chùa Long Minh (xã Bến Thế, tỉnh Thủ Dầu Một) canh tác nuôi quân cách mạng.

Ngày mùng 10 tháng 5 năm Tân Hợi (1971), Hòa thượng Thiện Hương tịch tại chùa Hội Khánh, thọ 69 tuổi.

Đệ tử của Hòa thượng Thiện Hương là sư Đồng Bửu – Quảng Viên kế thế trụ trì.

Hòa thượng Quảng Viên tên tục là Lê Văn Ký, sanh năm Canh Tuất (1910), tịch ngày 15 tháng 8 năm Mậu Thìn (1988).

B. KIẾN TRÚC CHÙA HỘI KHÁNH.

Chùa Hội Khánh kiến trúc theo kiểu chữ Tam như những ngôi chùa xưa ở miền Nam, gồm ba dãy nhà ngang: chánh điện, nhà giảng và nhà trai.

1. Chánh điện là một tòa nhà năm gian hai chái, hình vuông rộng 18m thờ theo kiểu “Tiền Phật hậu Tổ”.

- a. Điện thờ Phật thờ nhiều tượng Phật bằng gỗ, sơn son thếp vàng chạm trổ mỹ thuật. Ở chánh điện có ba bao lam chạm trổ khéo léo và độc đáo.
- Một tấm chạm nổi hình “Sự tích đức Phật Đản Sanh” hay hình Cửu Long, đức Phật mới sanh, xung quanh chín con rồng phun nước và chư thiên đàn hát mừng và rải hoa.
- Một tấm chạm hình tứ linh (long, lân, qui, phụng) và tứ quý (mai, Lan, cúc, trúc).
- Một tấm chạm hình “Thập Bát La Hán” với 18 vị La Hán.

Hai bên vách điện Phật có tượng 18 vị La Hán và tượng “Thập Điện Diêm Vương” (10 vị Diêm Vương).

Điện thờ Phật trang trí một số câu đối, trong đó có những câu Đặc biệt như:

“Nhược thực nhược hư trúc ảnh tảo giai trần bất động
Thị không thị sắc nguyệt xuyên hải để thủy vô ngân”
(Như hư, như thực, bóng trúc quét thêm, bụi thêm không động
Là không, là sắc, trăng xuyên đáy biển, nước biển không nổi)

Đặc biệt nhất là một cặp câu đối ca ngợi công lao nhà Nguyễn, nêu cao sự tích chùa Thiên Mục, ca ngợi cảnh đẹp của Kinh đô Phú Xuân (Huế) và cảnh hưng thịnh an lạc của các chốn thiền lâm:

“Tiến thánh khởi sơ đài thủy tú sơn thanh, Thiên Mục truyền lưu thiên cổ tích.

Thần kinh chân thẳng cảnh điều minh hoa tiểu, thiền lâm biệt chiếm tứ thời xuân”

(Chúa trước khởi xây đền đài, nước biếc non xanh, Thiên Mục truyền sự tích muôn thuở.

Thắng cảnh thần kinh thật đẹp, hoa cười chim hát, thiền môn cả bốn mùa đều xuân)

b. Bàn thờ Tổ phía sau điện Phật. Bàn thờ Tổ thờ long vị chư Tổ trụ trì, Hoàng hóa ở chùa Hội Khánh, tất cả là các thiền sư thuộc phái thiền Lâm Tế.

2. Nhà giảng.

Nhà giảng nối liền với chánh điện, cũng là tòa nhà vuông năm gian hai chái, cạnh 18m. Hai vách hai bên không phải làm bằng ván mà làm bằng các chấn song (thanh gỗ) bằng cây thoáng mát và quang đặng. Nhà giảng chỉ có một số ghế tràng kỷ và ván gỗ

3. Nhà trai.

Nhà trai nối liền với nhà giảng bằng hai hành lang rộng: Đông lang và Tây Lang, rộng 9m, dài 20m.

Nhà trai ngày xưa có lẽ cũng làm bằng chánh điện, nhà giảng nhưng hiện nay đã bị hư hoại.

Chùa Hội Khánh lâu năm không được tu sửa nên bị hư mục, Tỉnh hội Phật Giáo tỉnh Sông Bé cùng chánh quyền và Phật tử góp công sức, tiền của xây dựng lại chùa trong năm 1990 – 1991.

Zụ trì chùa từ năm 1988 đến nay là Đại Đức Huệ Thông.

TRUYỀN THỪA Ở CHÙA HỘI KHÁNH.

Thời gian trụ trì	Pháp Danh	Lâm Tế	Năm Sanh, Tịch
1741 – 1812	Đại Ngạn – Từ tấn	Đời 37	? – 1812
1812 – 1839	Minh Huệ – Chân Kính	Đời 36	1741 – 1839
1839 – 1869	Tồn Tánh - Chánh Đắc	Đời 37	1789 – 1869
1869 – 1880	Chương Đắc – Trí Tập	Đời 38	? – 1880
1880 – 1906	Ẩn Long – Thiện Quý	Đời 39	1837 – 1906
1906 – 1931	Chơn Thành – Từ Văn	Đời 40	1877 – 1931
1931 – 1941	Ấn Bửu – Thiên Quới	Đời 39	1861 – 1941
1941 – 1971	Thị Hoa – Thiện Hương	Đời 42	1903 – 1971
1971 - 1988	Đồng Bửu – Quảng Viên	Đời 33	1910 - 1988

Hình: Tháp của Hòa thượng Ẩn Long – Thiện Quý.

X. CHÙA TẬP PHƯỚC.

Chùa Tập Phước ở xã Bình Hòa (Gia Định) có lẽ đư975c lập vào thời chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát (1738 – 1765) cùng thời với chùa Từ An, chùa Khải Tường, chùa Giác Lâm (năm 1744) khi chúa Võ Vương chánh thức xưng Vương, biến lãnh thổ Đàng Trong Thành một nước ngang hàng với Đàng Ngoài của chúa Trịnh.

Vào năm đó (1744), chúa Võ Vương cho di dân đông đảo đến dinh Phiên Trấn, huyện Tân Bình (Sài Gòn – Gia Định), có lẽ các Thiền sư thuộc chi phái Chúc Thánh (Quảng Nam) đã theo dân di cư vào Gia Định lập chùa Tập Phước, nhưng hiện chưa biết rõ vị sư nào khai sơn chùa Tập Phước. Có thể chùa này do Thiền sư Thiệt Quảng – Cẩm Ứng thành lập.

Hiện chúng ta có thể biết chắc là chùa Tập Phước đã có từ thời Thiền sư Pháp Nhân – Thiên Trường (đời 36 phái thiền Lâm Tế). Vì vào khoảng năm 1776 – 1779, khi Công tôn Nguyễn Phước Anh bị quân Tây Sơn đuổi bắt, Nguyễn Vương và các quan hộ giá có đến ẩn trú ở chùa Tập Phước một đêm. Lúc đó, trụ trì chùa là Đại Lão hòa thượng Pháp Nhân – Thiên Trường đã ra cột phướn trước sân chùa Tập Phước thành tâm khẩn nguyện Phật trời gia hộ cho chúa Nguyễn Phước Anh được bình yên.

Có lẽ lòng thành của Hòa thượng Thiên Trường được cảm ứng nên khi Hòa thượng khấn xong bỗng nhiên mây đen kéo đến bao phủ, sấm chớp bủa giăng, một trận mưa gió thật lớn trút xuống quanh vùng gây trở ngại cho sự truy lùng của quân Tây Sơn.

Vì vậy, sau khi lên ngôi, vua Gia Long sắc tứ cho chùa Tập Phước và ban cho chùa các cặp đối liễn, nên chùa được gọi tên là “Chùa Sắc tứ Tập Phước”. Chúa còn lại các bảng đối liễn như sau:

- Hai tấm hoành khắc ba chữ “Sắc Tiên Chế” và Tứ Hoàng Phong” (có nghĩa là vua sắc phong tước sắc để lưu lại).
- Hai cột ở chánh điện còn cặp câu đối:

“Gia lạc minh quân hiện thực, Trí thừa quân ức tải.

Long hưng mạng chúa trị bình, Đức hóa hiền thiên thu”.

Chùa cũng có một đại hồng chung được đúc vào đời vua Gia Long (1802 – 1819).

Chùa Tập Phước ngày xưa rộng lớn, phong cảnh trang nghiêm tráng lệ, có nhiều cây cao bóng mát, cảnh vật nên thơ khách thập phương thường lui tới chiêm bái đánh lễ.

Chùa Tập Phước xưa thường tổ chức các trường Hương để tăng ni khắp nơi đến nhập học.

Vào thời vua Gia Long, Hiệp trấn Trịnh Hoài Đức tình cờ gặp lại bạn cũ từ lúc nhỏ cùng quê (Đồng Nai) nay là Hòa thượng Tổ Tông – Viên Quang trụ trì chùa Giác Lâm, trong một buổi lễ ở chùa Tập Phước, Hiệp trấn Trịnh Hoài Đức đã cảm hứng sáng tác thành một bài thơ ngũ ngôn lời thơ nhẹ nhàng bình dị nhưng mang tư tưởng Phật pháp rất thâm sâu. (Xem An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức trong sách Phật Giáo đời nhà Nguyễn).

Chùa Sắc tứ Tập Phước hiện nay không còn giữ được phong cảnh như xưa, chùa đã bị hư hoại và thu nhỏ đi rất nhiều, không có vẻ trang nghiêm cổ kính nữa. Khuôn viên chùa bị biến thành một nghĩa trang, mồ mả được xây khắp bốn bên, chùa chỉ còn một con đường nhỏ hẹp từ cổng chùa đi qua nghĩa địa mới đến chùa nhỏ hẹp.

Tuy nhiên chùa sắc tứ Tập Phước hiện còn thờ các long vị của chư Tổ như sau:

- Sắc tứ Tập Phước tự, 34 thế, húy Minh Hải, thượng Pháp hạ Bảo, Đại lão Hòa thượng.
- Tập Phước Đường thượng, 35 thế, húy Pháp Nhơn, thượng Thiên hạ Trường.
- Long Châu Đường thượng, 36 thế, húy Thiệt Tịnh, thượng Phổ hạ Tế...
- Từ Bi Đường thượng, 36 thế, húy Tế Hiển, thượng Bửu hạ Dương Đại lão Hòa thượng.
- Lâm Tế chánh tông, 37 thế, húy Toàn Tánh, thượng Chánh hạ Đắc.
- Lâm Tế chánh tông, 38 thế, húy Chương Tâm, thượng Phúc hạ Thường.
- Lâm Tế chánh tông, 39 thế, húy Ấn Thập thượng Huệ hạ Thành.
- Lâm Tế chánh tông, 40 thế, húy Chơn Lợi, thượng Hoàng hạ Nghĩa.
- Lâm Tế chánh tông, 40 thế, húy Chơn Lý, thượng hoàng hạ Trí.

Trong khuôn viên chùa hiện có ba tháp:

- Tháp của Hòa thượng Ấn Thập – Huệ Thành (39)
- Tháp của Hòa thượng Chương Tâm – Phước Thường (38)
- Tháp của Hòa thượng Chơn Lý – Hoàng Trí (40).

XI. CHÙA HỘI SƠN.

Chùa Hội Sơn hay chùa Khánh long nằm ở trên đỉnh phía Bắc ở phần cuối của dãy núi Châu Thới, thuộc địa phận thôn Long Tuy, huyện Long Thành, trấn Biên Hòa (nay thuộc xã Long Bình, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

Từ Sài Gòn, theo xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa (đường Hà Nội), qua khỏi ngã tư Thủ Đức khoảng 5km (ngang nghĩa trang quân đội ngày trước queo mặt, theo đường vào ấp Gò Công, đi khoảng 5km, thấy cổng chùa ở chân đồi phía bên mặt đường đi. Qua khỏi cổng chùa, lên dốc núi thấp là đến chùa trên đỉnh núi.

Chùa Hội Sơn do thiền sư Khánh Long thành lập vào thế kỷ 18.

Thiền sư Khánh Long, húy Đạo Thành, thuộc phái thiền Lâm Tế (Tế Thượng chánh tông), thế hệ thứ 38, chưa rõ quê quán. Thiền sư Khánh Long lập chùa Khánh Long ở Gò Quít, huyện Phước Chánh, trấn Biên Hòa. Cảnh chùa Khánh Long được một du khách đặt bài thơ như sau:

Tiêu sơ lãnh thọ, quả tà dương

Bộ nhập khê nham phổng đạo tràng

Chữ đánh vô yên sào hạc tĩnh,

Khả liên thiên vị chính khê lương.

Tạm dịch:

Cây núi tiêu sơ dưới bóng chiều,

Bước vào suối đá viếng đạo tràng

Đun trà không khói, hạc nằm yên,

Mến mùi thiên vị, thật thanh lương.

Chùa nằm trên đỉnh núi, nhìn xuống sông Đồng Nai, phong cảnh thanh tịnh, u tịch.

Trong sách Gia Định Thành Thông Chí, An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức (1765 – 1825) tả cảnh chùa Hội Sơn trên núi Châu Thới như sau:

“Núi Châu Thới, cách phía Nam Trấn (Biên Hòa) mười một dặm rưỡi, từng núi cao xanh, cây cối lâu đời rậm tốt, làm tấm bình phong triều về trấn thành, hình núi cao thấp khuất khúc chạy theo hướng Đông hạ lưu sông Đồng Nai (sông Phước Giang) rồi đến Gò Công thì đứt ở đoạn giữa trở mặt tới thôn Long Thành, trải ra một gò đất cao, đứng thẳng như vách, sau lưng gò ấy là chỗ sư Bà Lương tu hành, có dựng am Vân Tĩnh (tục danh của chùa Vãi Lương) trông rất nhã. Sau quân Tây Sơn phá hủy chùa phật, nhưng nay nền cũ vẫn còn.

Ở đuôi hòn núi này (Châu Thới), về phía Bắc, nứt ra một chi chạy đến địa phận thôn Long Tuy, rồi nổi lên gò cao bằng phẳng rộng rãi, ở bên núi có hang động, khe suối, dân ở quanh theo núi, trên có chùa Hội Sơn là chỗ Thiền sư Khánh Long sáng tạo để tu hành. Chùa quay mặt về hướng Bắc, nhìn xuống sông Đồng Nai, khách hành hương leo lên du ngoạn có cảm tưởng tiêu dao ngoài cõi tục.

Qua thời gian chiến tranh, cũng như trải qua mấy thế kỷ, chùa cũng bị hư hại và được trùng tu nhiều lần. Chùa hiện nay được xây dựng bằng gạch mái ngói, nhưng vẫn giữ được kiến trúc xưa.

Chùa là một tòa nhà ba gian hai chái, gồm bốn dãy nhà ngang nối liền nhau, bề ngang 14m, sâu vào 40m bên cạnh có hành lang rộng 2m.

- Nhà Hộ pháp rộng 6m, phía trước có hành lang 2m.
- Chánh điện là tòa nhà vuông, cạnh 10m, chánh điện thờ kiêu “Tiên Phật hậu Tổ”, phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ.
- Nhà giảng và nhà khách rộng 8m. Nhà giảng nối liền với nhà trai bằng hai hành lang dài 6m, trên nóc có mái che, ở giữa có sân trống (Thiên tỉnh: Giếng trời).

Thiền sư Thành Đạo – Khánh Long viên tịch, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên phía trái chùa. Tháp xưa đã bị hư đổ, trụ trì chùa là Bảo Quý trùng tu tháp vào ngày mùng 8 tháng 2 năm Kỷ Tị. (có lẽ là năm 1869), bia tháp có bốn hàng chữ Nho:

- Hai hàng ở giữa ghi:

Đạo Thành – Khánh Long, Hòa thượng Tổ pháp
Hội Sơn khai thủy, Tế thượng chánh tông

- Hàng bên mặt ghi:
Kỷ Tị nhị nguyệt, Như Lai Phật nhật.
- Hàng bên trái ghi:
Hội sơn Hóa chủ Bảo Quý trùng tu.

Tháp của Thiền sư Khánh Long cao ba tầng, trên đỉnh có bầu hồ lô, cao khoảng 6 – 7m, tháp hình khối lục giác (6 cạnh), tầng dưới lớn, lên tầng trên nhỏ dần. Tầng dưới đất là khối có 6 cạnh, mỗi cạnh 1,6m.

Thiền sư Đạo Thành – Khánh Long cũng là bức Long tượng trong chốn thiền môn vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 nhưng rất tiếc là không tài liệu nên chưa biết rõ hành trạng và tư tưởng thiền học của ngài.

Qua long vị còn thờ trong chùa, chúng ta chỉ biết được: Thiền sư Đạo Thành – Khánh Long có đệ tử là sư Tánh Minh – Đức Hội, kế thế trụ trì chùa Hội Sơn, thiền sư Khánh Long truyền thừa theo bài kệ truyền pháp của Tổ sư Thiệt Diệu – Liễu Quán “Thiệt Tế Đại Đạo...”

Đến đầu thế kỷ 20 sư Huệ Tấn, húy Tâm Minh thuộc phái thiền Tế Thượng chánh tông, trụ trì chùa Hội Sơn đã đứng ra trùng tu chánh điện chùa. Sư Huệ Tấn sanh năm Ất Hợi (1875) tịch ngày 25 tháng 10 năm Giáp Tý (1924), vào giờ Tý, thọ 50 tuổi.

Hình:

- Chùa Hội Sơn.
- Tháp của thiền sư Đạo Thành – Khánh Long ở chùa Hội Sơn.

XII. THIÊN SƯ HỒNG AN VÀ TRÍ NĂNG HẠ MÃNH HỔ.

Hiện chưa biết Thiền sư Hồng An thuộc phái thiền nào, trụ trì chùa nào và hành trạng ra sao ?

Hiệp Biện Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức có kể lại việc Thiền sư Hồng An và Trí Năng hạ Mãnh Hổ ở chợ Tân Kiển trong sách Gia Định Thành Thông Chí như sau:

Chợ Tân Kiển (Tân Cảnh) ở phía nam trấn Phiên An hơn 6 dặm, chợ phố trù mật, thường năm đến tết Nguyên Đán, có cuộc chơi đánh đu tiên và vân xa (1). Ngày 25 tháng Giêng năm Canh Dần (1770), vào thời chúa Duệ Tông (Nguyễn Phước Thuần), sau khi mọi người đều an nghỉ, có một con mãnh hổ vào nhà người dân ở phía Nam chợ Tân Kiển kêu gào dữ tợn, dân chúng kinh hãi, không ai dám xúc phạm đến. Dân báo cho đồn dinh Phiên Trấn để phát binh vây bắt mãnh hổ. Sau đó, quân lính và dân chúng phải triệt hạ nhiều nhà cửa làm nhiều lớp rào bao vây, nhưng cọp rất dữ, không ai dám đến.

Qua đến ngày thứ ba, quân dân vẫn chưa có cách nào trừ được cọp, tình cờ thiền sư Hồng An và đồ đệ là Trí Năng xin vào diệt cọp.

Thiền sư qua các lớp rào, vào đánh với cọp một chập lâu, cọp bị đánh đau, chạy núp trong lùm tre. Sư Hồng An rượt theo, cọp bị dồn vào đường cùng nên quay lại quyết đấu với sư. Thiền sư Hồng An lui bước, chẳng may chân bước lọt vào mương nhỏ, té xuống, con cọp nhảy đến vồ xé, đệ tử Trí Năng nhảy đến tiếp cứu, đánh trúng đầu cọp, cọp chết ngay. Thiền sư Hồng An bị thương nặng và cũng chết liền trong lúc ấy.

Dân chúng ở vùng chợ Tân Kiển kính phục nghĩa khí của thiền sư Hồng An, nên đem chôn tại nơi trận chiến và xây tháp thờ. (2)

(1) Vân xa: bánh xe lớn như quạt nước (xa nước) ở nông thôn, trên đó có 8 cái ghế và 8 cô gái ngồi trên đó, đẩy cho bánh xe lớn đó quay vòng tròn, các cô gái mặc quần áo nhiều màu sắc đẹp, bay phất phới giữa không trung, xem rất đẹp.

(2) Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, quyển hạ. Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Sài Gòn 1972.

XIII. THIÊN SƯ ĐẠT BẢN KHAI SƠN CHÙA KIM CHƯƠNG.

Thiên sư Đạt Bản là người Bình Định, Phật lý rất cao. Năm Ất Hợi (1755) đời chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát thứ 18, thiên sư Đạt Bản vân du đến trấn Phiên An (Sài Gòn – Gia Định sau này), lập chùa Kim Chương, An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức viết:

“Chùa kim Chương ở phía Tây Nam trấn Phiên An hơn 4 dặm, ở về phía Bắc Quan lộ. Ở giữa là Phật điện, trước sau là Đông đường và Tây Đường, Sơn môn, Phương trượng, kinh thất, hương viên và phạn đường (nhà trai), chạm trổ tinh vi, tô sơn mỹ thuật, rộng lớn và cao. Ở phía Bắc có một nước ngọt, bốn mùa nước từ dưới đất tràn ra, ướt đầm cả đường”.

Thiên sư Đạt Bản mở mang cảnh chùa Kim Chương ngày thêm quy mô tráng lệ. Sau đó chúa Võ Vương ban cho tấm biển đề “Kim Chương tự”

Khi thiên sư Đạt Bản viên tịch, truyền lại cho đồ đệ là Quang Triệt.

Liên quan đến chùa Kim Chương có các sự việc sau:

Năm 1774, nhân lúc nhà Tây Sơn đánh phá ở vùng bình Định – Quảng Nam, chúa Trịnh sai Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc đem quân đánh vào Đàng Trong và chiếm Đô thành Phú Xuân, chúa Nguyễn Phước Thuần và Đông cung Nguyễn Phước Dương bỏ chạy vào Gia Định.

Năm Ất Mùi (1775), chúa Nguyễn Phước Thuần họp các tướng lãnh kinh chống nhau trong nội bộ triều thần chúa Nguyễn ở chùa Kim Chương để dàn xếp:

- Phe tướng quân Lý Tài của đạo quân Hòa Nghĩa ủng hộ Đông cung Nguyễn Phước Dương, tôn ông làm Tân chính vương, trấn đóng vùng núi Châu Thới (Đồng Nai)
- Phe Tướng quân Đỗ Thành Nhân của đạo quân Đông Sơn ủng hộ chúa Nguyễn Phước Thuần và Công tôn Nguyễn Phước Ánh, tôn Chúa Nguyễn Phước Thuần làm Thái thượng vương, trấn đóng vùng Ba Giồng (Tân An).

Năm Bính Thân (1776), quân Tây Sơn vào đánh Gia Định để truy đuổi bắt Thái Thượng vương và tân chính vương và đã bắt được Tân Chính vương và Thái Thượng vương và một số thuộc tướng, đem về xử tử ở chùa Kim Chương.

Sau khi Thiên sư Quang Triệt tịch, thiên sư Quang Trạm kế thừa. Thiên sư Quang Trạm tịch, thiên sư Quang Tuệ nối tiếp trụ trì chùa Kim Chương.

Năm Gia Long thứ 12 (1818), Cao Hoàng hậu tỏ lòng nhớ đến chùa Kim Chương nên xin vua cho trùng tu chùa này. Vua sai phó tướng quân đạo quan Thần Võ là Trần Nhân Phụng đem 10.000 quan tiền vào Gia Định lo sửa sang chùa, chỉnh trang kinh tạng, tu chỉnh chuông trống cho chùa thêm trang nghiêm tráng lệ. Dưới đời chúa Nguyễn (1802 – 1862), chùa kim Chương là ngôi chùa lớn ở Gia Định thành 9 Nam Kỳ Lục Tỉnh sau này). Sau khi Pháp chiếm Gia Định, xây thành Ô-ma. Chùa Kim Chương bị lấy làm cơ sở, nằm ở trong vòng thành này.

Pháp tượng, pháp khí, kinh điển trong chùa bị quân Pháp lấy đi mất.

Hiện nay, chùa Kim Chương không còn, trên nền cũ lập lại chùa Lâm Tế.

XIV. TÌM LẠI CHÙA CÂY MAI VÀ THI XÃ BẠCH MAI Ở GIA ĐỊNH NGÀY XƯA.

Chùa Cây Mai hay Mai Sơn tự tọa lạc trên đỉnh núi Mai (Mai Sơn) ở huyện Tân Bình, dinh Phiên Trấn, phủ Gia Định. Nay ngọn núi mai nằm ở góc đường Hùng Vương và đường Dương Công Trưng, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Chùa Cây Mai với núi Mai là một thắng cảnh đẹp nhất của Phủ Gia Định ngày xưa, được coi là biểu trưng của phủ Gia Định thời xưa, tức tiêu biểu cho cả Nam Bộ ngày đó. Cho đến thời nhà Nguyễn, trong thơ văn khi muốn đề cập đến đất Gia Định, các văn nhân thi sĩ thường nhắc đến Mai Sơn hay Mai Sơn tự.

Mai Sơn hay Núi Mai là một ngọn núi thấp nằm giữa vùng thôn quê. Vì vậy, một số tác giả không dùng Mai Sơn mà dùng Mai Khâu, tức là Gò Mai.

Mai Sơn hay Mai Khâu là một ngọn đồi có nhiều cây mai, trong đó có một số Bạch mai. Dưới chân đồi là những ao hồ có nhiều hoa sen hồng rất đẹp, xung quanh vùng thôn quê với đồng ruộng xanh tươi, trù phú.

Hiệp Biện Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức (1765 – 1825) với hiệu là Chỉ Sơn là một trong “Gia Định Tam Gia” (ba thi sĩ nổi tiếng của Gia Định) đã liệt Mai Khâu này là một trong 30 cảnh đẹp của Gia Định thành (Nam Bộ ngày nay). Thời đó, trong thời gian giữ chức Hiệp trấn Gia Định thành Chỉ Sơn nhiều lần đến viếng Mai Khâu và có nhiều thơ văn ca ngợi cảnh đẹp Mai Khâu này.

Trong sách Gia Định thành thông chí. Chỉ Sơn đã viết về Mai Khâu (Gò Mai) như sau:

“Gò Cây Mai cách phía Nam trấn Phiên An 13 dặm rưỡi, ở đây gò đất nổi cao có nhiều Nam Mai, nhánh cỗi rườm rà nhưng khi hoa nở không có tuyết, chỉ có lá hộ vệ mùi thơm mà thôi, thứ hoa này bả linh khí sinh ra, không đem trồng ở nơi khác được. Trên có ngôi chùa An Tôn đêm đọc bối kinh (kinh Phật), chuông mai trống chiều vang rền trong mây khói, mường tượng như giữa thế giới cõi Phật ở Thiên Trúc (Ấn Độ). Lại có suối chảy quanh chân gò, chiều mát, các thiếu nữ chong thuyền hái sen. Gặp những giai tiết thì văn nhân thi sĩ mang bầu rượu theo từng bậc cấp leo lên ngâm vịnh nơi đầu gò, dưới gốc hoa mai cùng văn tự đượm nồng mùi hương, thật là một thắng cảnh cho người du lãm.

Gò này ngày xưa là chỗ chùa Tháp, nền móng còn nhận rõ. Năm Bính Tý niên hiệu Gia Long thứ 15 (1816), có thầy tăng trùng tu lại, đào lấy được ngói gạch cỡ lớn của đời xưa rất nhiều và lại đào được hai miếng vàng lá, tứ bề đều vuông 1 tấc, mỗi miếng nặng ba đồng cân, trên mặt chạm hình “Cổ Phật cỡi voi” có lẽ đây là các vật của Hồ tăng dùng để trấn tháp đó chăng?”

Chỉ Sơn còn có một số bài thơ vịnh cảnh Gò Mai như sau:

MAI KHÂU VĂN THIẾU.

Mai Khâu văn thương lược đông phong,
Nhứt vọng tiêu nhiên nhĩ bất cùng.
Thôn xá chằm khê yên thu ngoại,
Mục đồng hoành địch thảo nguyên trung.
Ngưu tương giải ngọt qui cao lũng,
Nha dĩ từ giao tập mậu tùng.
Trú tướng minh vân thiên miểu miểu,
Trụ trì vô ngữ ỷ đông ngô.

Tạm dịch: CHIỀU HỒM NGẮM CẢNH “GÒ MAI”

Chiều viếng Gò mai hứng gió Đông,
Nhìn xa cảnh vắng đẹp không cùng.
Thôn xóm ven suối bên làn khói.
Mục đồng thổi sáo vang cánh đồng.
Trâu chờ cỡi ách nơi gò đất,
Qua rỗi bãi trống họp ngọn tùng.
Mây buồn u ám trời trải rộng,
Đứng dựa ngô đồng lặng không lời.

MAI KHÔI TÚC HẠC.

Cửu cao thanh xạ bá vu thiên,
Chuyển hương Mai Khâu hảo kế miên,
Tuyệt cách bất lao hành tị đặc,
Sương linh mạn liễn học tham thiên.
Tự khoa nhĩ tháo đông thanh bạch,

Thả hứa phương danh cộng bảo tuyền.
Mộng lý ký bằng lân xử sĩ,
Mạc lai u hác, nhiều khiên triên.

Tạm dịch: HẠC NGŨ “GÒ MAI”.

Tiếng hạc vang khắp trời chín hồ,
Chuyển hương Gò Mai ngồi nghỉ tốt.
Tránh đạn khó gì đôi cánh trắng,
Tham thiền phó mặc tiếng trống chuông.
Tự khoe thanh nhã giữ trong sạch,
Hứa hẹn danh thơm phải giữ gìn.
Hồn mộng nương nhờ Lâm xử sĩ,
Chốn này hấp dẫn chớ coi thường.

Qua hai bài thơ trên, chúng ta biết được là trên Gò Mai ngày xưa có chùa An Tôn (hay An Tông). Hiện chúng ta chưa biết được là chùa An Tông này do vị Tổ sư nào thành lập và lập từ năm nào? Chùa An Tông được xây dựng trên nền của chùa tháp cổ. Vì vậy, trong lòng đất Gò Mai hay núi Mai này có nhiều di vật cổ.

Năm Gia Long 15 (1816), chùa An Tông trùng tu, nhưng rất tiếc là chúng ta không biết được pháp danh của vị sư thời đó.

Có lẽ đến thời vua Thiệu Trị (1841 – 1847), Chùa An Tông phải đổi tên lại là chùa Mai Sơn vì “Kỵ húy” (kiêng tránh tên vua, vì vua Thiệu Trị tên là Niên Tông).

Vào khoảng năm 1847, Trang Liệt Bá Nguyễn Tri Phương và Mai Xuyên Phan Thanh Giản được cử làm Chánh và Phó Kinh Lược Sứ ở Gia Định đã dựng tòa gác vuông bằng cây ở núi Mai này, gọi là “Phương Đình” để làm nơi nghỉ ngơi, ngâm vịnh trong những lúc rảnh việc quan. Có lẽ từ đó mới hình thành Thi Xã Bạch Mai nổi tiếng sau này với các thi nhân như Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Thông, Trần Thiện Chánh, Hồ Xuân Nghiệp, Trương Hảo Hiệp, Tôn Thọ Tường... Nhà thơ Trương Hảo Hiệp quê ở Tân Long (Chợ Lớn sau này), làm quan thời nhà Nguyễn, nổi tiếng với tập thơ Mộng Mai Đình thi thảo, trong đó có nhiều bài thơ ca ngợi chùa Cây Mai khá đặc sắc.

Thi Xã Bạch Mai với các thi nhân danh tiếng đó được thành lập trong khung cảnh đất nước thái bình thịnh trị trong thời gian đầu của Triều đại nhà Nguyễn.

Những nhà thơ này đã khéo lựa Mai Sơn làm nơi tiêu khiển. Trên ngọn đồi con, dưới bầu trời xanh mát, một nền cổ tự rêu phong, gạch bể, quyết cùng tế nguyệt so gan. Ba chữ “Mai Sơn tự” trên khung cửa cổng đổ nát nhắc khách thừa lương nên quý trọng nơi tĩnh mịch của người mộ đạo.

Đến mùa mai nở, cả đồi là một bức tranh vẽ toàn hoa tắng lá xanh. Lại thêm xa tận chân trời, cánh đồng lúa chín bao la, rộng rãi chẳng khác chi một tấm thảm nhung hồng, dập dờn như sóng gợn dưới ngọn gió chiều nhẹ thoảng. Hương của hoa mai hợp cùng mùi thơm của lúa thêm phần quyến rũ cho cảnh chùa Cây Mai, một nơi khoáng đạt tinh thần, dễ khiến thi sĩ văn học lai láng hồn thơ chứa chan tình cảm.

Đất nước thanh bình với các cảnh ti ca ngâm vịnh của các thi xã vào thời đầu nhà Nguyễn đã bị chấm dứt với cuộc xâm lăng của quân Pháp đánh vào Đà Nẵng vào 1 tháng 9 năm 1858. Triều đình Huế phải triệu hồi Nguyễn Tri Phương ở Gia Định về kinh đô Huế và cử ông làm Tổng thống quân vụ đại thần để chỉ huy quân đội chống lại quân Pháp ở Đà Nẵng. Sau mấy tháng cố gắng, quân Pháp không tiến được ra Huế, cuối cùng, quân Pháp phải vào đánh chiếm thành Gia Định vào đầu năm 1859. Quân triều đình từ Định Tường, Vĩnh Long tăng viện để đánh chống lại Pháp, quân được tập trung ở quanh chùa Cây Mai. Quân Pháp tiến đánh chiếm lại chùa Cây Mai, quân Việt thua trận phải rút về Định Tường. Kế đó quân Pháp bện tập trung quân vào việc chiến

tranh ở Trung Hoa, nên dùng mìn phá hủy thành Gia Định về đóng ở đồn Hữu Bình (Tân Thuận ngày nay) với vài trăm quân cố thủ. Tiếc thay Tôn Thất Hiệp không quyết tâm tấn công tiêu diệt đồn này mà chỉ cho quân bao vây xung quanh, cầm cự không cho quân pháp mở rộng vùng chiếm đóng.

Khoảng đầu năm 1860, quân Pháp tăng cường thêm lực lượng (800 quân) tiến công đánh chiếm các vị trí đóng quân của quân Việt ở Gia Định, chiếm một số chùa, đền để lập đồn bót, gọi là “phòng tuyến các chùa” trải dài từ Thị Nghè và đến Phú Lâm, gồm chùa Khải Tường, chùa Kim Chương, đền Hiến Trung, chùa Pháp Vũ, chùa Kiểng Phước, chùa Cây Mai...

Từ khi quân Pháp chiếm chùa Cây Mai làm đồn lính, nghĩa quân Việt bí mật đóng tiền đồn ở chùa Phụng Sơn (Chùa Gò) để quan sát việc điều động binh của Pháp ở đồn Cây Mai. Ngoài ra, các cuộc tấn công ban đêm vào đồn Cây Mai có thể được chỉ huy và xuất phát từ chùa Sùng Đức, chùa Phụng Sơn. Đồn Cây Mai từng là chiến địa của nghĩa quân Việt và quân Pháp xâm lăng, nơi đây có thể còn là nơi bắt giam giữ và điều tra những nghĩa quân kháng chiến Việt Nam bị Pháp Bắt. Tương truyền từ khi chùa Cây Mai bị triệt bỏ làm đồn, các vong hồn ở đây không có ai cúng kiến nên các hồn ma hiển lộ quấy phá lính Pháp ở đồn, người Pháp không dẹp được. Cuối cùng viên sĩ quan Pháp phải nhờ một viên đội người Việt đến chùa Giác Viên thỉnh chư tăng đến lập trai đàn cầu siêu ở đồn này. Giáo Thọ Hồng Từ – Huệ Nhơn và chư tăng ở chùa Giác Viên đến đồn Cây Mai khai đàn tụng kinh cầu siêu, từ đó các vong hồn không còn quấy phá lộ hành như trước nữa. Viên trưởng đồn tôn phục Giáo thọ Huệ Nhơn nên xin với Thống đốc Nam kỳ phong cho sư chức Hòa thượng. Vì vậy, Giáo thọ Huệ Nhơn được người thời đó gọi là “òà thượng Tây Phong”

Sau khi Pháp lấy chùa, chư tăng lập lại chùa Cây Mai mới ở chân đồi Mai, sau này lại dời vào vùng Bà Hom.

Chùa Cây Mai trải qua các cuộc đổi thay hủy hoại như thế nên không còn tài liệu, hiện ở chùa Phụng Sơn còn thờ một số long vị của chư tăng ở chùa Cây Mai như sau:

1. Từ Lâm Tế chánh tông, 37 thế, húy Liễu Tánh, thượng Bảo hạ Chất đệ nhất A xà lê giác Linh miêu tọa.
 - Ất Mùi niên, chánh nguyệt, thập nhị nhật, Tý thời đoan sanh.
 - Quý Tị tuế, nguyên ngoạt, thập tam nhật, Tị thời thị tịch
2. Từ Lâm Tế chánh tông, 37 thế, húy Liễu Linh, thượng Chơn hạ Ứng, Đại lão Hòa thượng Tổ sư giác linh.
3. Từ Lâm Tế chánh tông, 38 thế, húy Minh Phú, thượng Bảo hạ An Đại sư giác linh miêu tọa.
 - Ngươn sanh Kỷ Sửu niên, 10 ngoạt, kiết nhật, Ngọ thời thị tịch.
 - Ất Mùi niên 4 ngoạt, sơ thập nhật, Ngọ thời thị tịch.
4. Mai Sơn Đường thượng, Từ Lâm Tế Gia Phổ, húy Như Đạt, thượng Hoàng hạ An, húy Hồng Ngọc, thượng Thiện hạ Diệu, Phan Công giác linh.

XV. CHÙA LONG HUÊ.

Chùa Long Huê ở số 131/27 đường Nguyễn Thái Sơn, xã Hạnh Thông Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời chúa Võ Vương Nguyễn phước Khoát (1738 – 1765), ông Đạo Nham quê ở Quảng Nam vào đất Gia Định, lập am tranh tu hành. Một thời gian sau, ông Đạo Nham nổi tiếng khắp Gia Định, bốn đạo xây dựng thành ngôi chùa Long Hoa.

Vào thời Nguyễn Vương (Nguyễn Phước Anh) chống lại nhà Tây Sơn (1726 – 1801), Nguyễn Vương có thời tạm ẩn ở chùa Long Hoa. Vì vậy, sau khi lên ngôi vua Gia Long (1802 – 1819) sắc tứ cho chùa Long Hoa, nên chùa có bảng “Sắc tứ Long Hoa tự”.

Đến thời vua Minh Mạng (1820 – 1840) vì ký hứ Hoàng hậu là Hồ thị Hoa, nên trong nước đổi chữ Hoa thành chữ Huê, vì vậy chùa sắc tứ Long Hoa được gọi là “Sắc tứ Long Huê” (cũng như chùa Hoa Nghiêm ở Thủ Đức đổi thành Huê Nghiêm).

Trong thời Pháp đánh chiếm Nam Kỳ (1859 – 1867), chùa Long Huê bị chiến tranh hủy hoại.

Khoảng năm 1898, Tỳ kheo Nguyễn Quán – Đạo Thông về trụ trì chùa Long Huê.

Tỳ Kheo nguyên Quán – đạo Thông xuất gia từ năm 15 tuổi, đến đời Tự Đức năm thứ 24 (1870); theo học với Hòa thượng Vô Tri ở chùa Thiền Lâm ba năm, sau đó thọ giáo với Hòa thượng Tâm Thanh ở chùa Sắc tứ Trường Thọ suốt 6 năm.

Năm Thành Thái thứ tư (1893), Hòa thượng Tâm Thanh viên tịch, Tỳ Kheo Đạo Thông đến chùa Long Triều theo học với Hòa thượng Bửu Nguyên. Năm 1896 Đạo Thông đến tham học với Tỳ Kheo Đạt Lý – Huệ Lưu ở chùa Huê Nghiêm (Thủ Đức).

Năm 1898, Tỳ kheo Huệ Lưu hỏa thiêu cúng dường chu Phật ở chùa Huê Nghiêm, Tỳ kheo Đạo Thông lo tang lễ xong, trở về trụ trì chùa Long Huê. Tỳ kheo Đạo Thông hoằng hóa một thời gian, ngày càng nổi tiếng, bốn đạo ngày càng đông, tỳ kheo Đạo Thông xây dựng lại chùa.

Năm 1966 chùa Long Huê được trùng tu lại một lần nữa, lúc đó, chùa còn một số di vật cổ:

- Ba tượng Phật bằng gỗ cao 3m
- Ba tượng Phật bằng đồng
- Bảng “Sắc tứ Long Hoa tự” khắc vào thời vua Gia Long.
- Bảo ấn bằng ngà, chạm hình sư tử, trên có 4 chữ Nho “Phật Pháp tăng bảo” khắc vào năm Tân Mùi, đời vua Tự Đức (1871)
- 26 long vị của chư Hòa thượng, đại sư ngày xưa.

Chùa Long Huê hiện nay là văn phong đại diện Phật giáo quận Gò Vấp.

XVI. CHÙA TRƯỜNG THỌ.

Chùa Trường Thọ tọa lạc ở số 53/524 đường Nguyễn Văn Nghi quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh ngày xưa là chùa Pháp Vũ ở Chợ Quán, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Phiên An, có lẽ được lập vào thế kỷ 18.

Đến đời Gia Long (1802 – 1819) chùa được sắc tứ, nên có tên là Sắc tứ Pháp Vũ tự (bảng này vẫn còn được giữ ở chùa Trường Thọ ngày nay).

Đến khi Pháp chiếm Gia Định (1859 – 1862) chùa Pháp Vũ được dời vào Gò Vấp ở vị trí hiện nay, vua Tự Đức (1847 – 1883) lại cho đổi tên chùa lại là Trường Thọ, nên hiện chùa còn bảng “Sắc tứ Trường Thọ tự”.

Chùa Trường Thọ hiện có một Đại hồng chung được đúc vào ngày 26 tháng 9 năm Mậu Thìn (1808), chuông cao 1,10m đường kính miệng 0,60m trên có khắc: “Gia Định thành, Tân Bình phủ, bình dương huyện, Mỹ thôn, Vĩnh Trường tự Tring phong.

Mậu Thìn niên, cửu nguyệt, nhị thập lục nhật”.

Hiện chưa biết chùa Pháp Vũ do vị tăng sĩ nào lập và dựng vào năm nào ? Chỉ biết được là khi chùa được vua Tự Đức sắc tứ thành chùa Trường Thọ ở vị trí hiện nay thì trụ trì lúc đó là Hòa thượng Liễu Kiện – Ấn Tông, phái thiền Lâm Tế, đời thứ 37, vì ngôi tháp cổ trước trước chùa Trường Thọ có bia ghi như sau: “Sắc tứ Trường Thọ tự, tam thập thất thế, hứ Liễu Kiện – Ấn Tông Hòa thượng giác linh.

- Niên sanh Giáp Tý, thập nguyệt, Sơ Cửu Nhật.
- Giáp Dần niên, tam nguyệt, nhị thập tứ nhật tịch”.

Như đó, chúng ta biết được Đại lão Hòa thượng Liễu Kiện – Ấn Tông sanh ngày mồng 9 tháng 10 năm Giáp Tý và tịch vào ngày 24 tháng 3 năm Giáp Dần. Cùng thời với Hòa Thượng Liễu Kiện – Ấn Tông ở chùa Trường Thọ, lúc bấy giờ còn có Hòa thượng Liễu Tâm – Mật Đa (? – 1871) trụ trì chùa Kiểng Phước, Hòa thượng Liễu Thông – Chơn Giác (1753 – 1840) trụ trì chùa

Phụng Sơn và khai sơn chùa Sùng Đức ở vùng Phú Lâm. Các Hòa thượng trên đều thuộc phái thiền Lâm Tế, truyền thừa theo bài kệ của tổ sư Tổ Định – Tuyết Phong “Tổ Đạo Giới... Liễu Đạt Ngộ Chơn Không”.

Chánh điện còn thờ một số tượng cổ:

- Tượng Phật A Di Đà bằng gỗ cao 1,80m (không có tòa sen)
- Ba tượng Phật Tam Thế cao 0,90m, ngang 0,50m là tượng xưa nhất.
- Thập Bát La Hán bằng đất, tượng cao 0,57m, đế cao 0,15m, ngang 0,43m.
- Thập Điện Diêm Vương bằng gỗ cao 0,67m, ngang 0,33m.

Trong chùa còn thờ một số long vị xưa như:

- Sắc tứ Trường Thọ tự Lâm Tế chánh tông, 37 thế, húy Liễu Kiện, Thượng Ấn hạ Tông Đại lão Hòa thượng.
- Sắc tứ Kiểng Phước tự 38 thế, húy Đạo Huyền, thượng Mật hạ Uẩn.
- Lâm Tế chánh tông 37 thế, húy Đại năng, thượng Cần hạ Tu.
- Lâm Tế Gia Phổ, 39 thế, thượng Thiện hạ Nghi, húy Như Tài.
- ...